

Phan Vinh

HỒI KÝ
PHAN VĂN VINH



123doc.vn

Phan Vinh

HỒI KÝ
PHAN VĂN VINH



Table of Contents

[Thông tin ebook](#)

[Lời nói đầu](#)

[Chương I : Tuổi ấu thơ và niên thiếu](#)

[Chương II : Bốn phận công dân](#)

[Chương III : Nghĩa vụ quân sự](#)

[Chương IV : Chưa được làm phó thường dân](#)

[Phụ trang](#)

Phan Vinh

Hồi Ký Phan Văn Vịnh

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



Mục Lục

[Thông tin ebook](#)

[Lời nói đầu](#)

[Chương I : Tuổi ấu thơ và niên thiếu](#)

[Chương II : Bốn phận công dân](#)

[Chương III : Nghĩa vụ quân sự](#)

[Chương IV : Chưa được làm phó thường dân](#)

[Phụ trang](#)

Thông tin ebook

Tên truyện : Hồi Ký Phan Văn Vịnh
Tác giả : Phan Vinh
Nguồn : <http://vnthuquan.net>
Convert : Bùi Xuân Huy (santseiya_TVE)
Ngày hoàn thành : 06/04/2007
Nơi hoàn thành : Hà Nội
<http://www.thuvien-ebook.com>

Lời nói đầu

Mùa mưa gió ruộng đồng ngập lụt.

Ở nhà rảnh rỗi thất nghiệp chẳng có việc gì làm, xem sách báo lâu cũng hết chẳng kiếm đâu ra tiền để mua thêm, mở truyền hình coi ngày nọ qua ngày kia cũng chán, đi nhậu thì bạn bè trang lứa hợp gu đã chết gần hết, còn lại một vài người già yếu bệnh tật kiêng cử từ chối. Con cháu ăn ở vẫn còn đông, ban ngày mỗi đứa một việc, đi tẩu tán chẳng còn ai, nhà cửa trống vắng.

Tuổi già thấy cô đơn lạnh lẽo có khi hơi buồn. Tôi nghĩ một cách, thời gian rảnh rỗi vắng vẻ này nên làm một việc gì đó có ý nghĩa của đời mình để lưu lại cho con cháu đọc, hiểu và thương mình hơn sau khi mình không còn trên thế gian này nữa. Tôi nghĩ ra ý định ngồi viết hồi ký, từ trước cho đến bây giờ, tôi chưa hề viết được một bài văn bài thơ nào cả.

Đây là do tôi động não nhớ ra những sự việc quá khứ và hiện tại của bản thân, bao tay viết ra trong khoảng thời gian sáu mươi lăm năm cuộc đời do bản thân hành động và những điều tai nghe mắt thấy của thế kỷ 20 qua thế kỷ 21.

Những câu văn ghi lại chất phát mộc mạc của tâm hồn nông dân, hoàn toàn sự thật để con cháu đọc cho vui, tìm hiểu cuộc đời tôi thời còn trai trẻ sống trong hai cuộc chiến tranh gian nan, vất vả, nguy hiểm như thế nào ?

Khi thất cơ lỡ vận, khốn đốn cùng cực như thế nào ?

Khi được tự do làm ăn sinh sống phải nỗ lực gắng sức làm sao để vươn lên với mọi người.

Đất nước trên đà phát triển, con cháu có khi nó cũng giàu có lên, sẵn tiền ăn chơi trác táng, đọc quyển hồi ký này tôi tin rằng nó có thể ăn năn giảm bớt một phần nào. Nếu đứa con có văn hoá biết hiếu thảo nó sẽ sống tốt hơn.

Cũng để làm quà tặng bạn bè thân mật xem cho đỡ buồn, nếu người ngoài có ai đó cầm được xem qua nhận xét tôi có viết gì sai trái không hài lòng quý vị, đó là sự trùng lặp, ngoài khả năng trình độ hiểu biết của tác giả, chỉ vô tình không cố ý.

Có câu nào sơ xuất độc giả không được hài lòng, tôi xin chân thành nhận lỗi.

Kính mong sự góp ý phê bình của quý vị, xin thành thật cảm ơn.

Bùi Chu, ngày 20 tháng 9 năm 2003.

Tác giả : PHAN VINH

Ngày 02 tháng 8 năm 2003 khai bút viết quyển Hồi Ký này.

Chương I : Tuổi ấu thơ và niên thiếu

BÀI 1 : BỐI CẢNH , THỜI GIAN, SỰ VIỆC.

Sinh ra và lớn lên ai cũng có quê hương, dù có đi khắp năm châu bốn bể họ cũng đều nhớ về quê hương, có quê hương mới khôn lớn, nhớ quê hương mới nên người, tôi tự giới thiệu về quê hương đôi nét.

Quê hương tôi tính theo đường đi từ Nam ra Bắc, quý vị khách bộ hành, du lịch, hoặc cô bác, anh chị em, bạn bè, con cháu, có dịp nào đó trên đường đi ngang qua địa phận Tỉnh Thừa-Thiên. Địa đầu ranh giới từ đèo Hải-Vân trở ra, nên để ý nhìn xem phong cảnh hữu tình, núi cao biển xanh cảnh đẹp như một bức tranh sơn thủy.

Đi xe lửa qua khỏi đèo Đồng-Nhất đến ga Lăng-Cô, tàu chạy trên đường sắt men theo chân núi đến Hói Mít bên trái dãy Trường-Sơn, bên phải đầm Lập-An, tàu chui qua khỏi cái hầm ngắn đó là quê tôi.

Nếu quý vị đi xe hơi xuống khỏi đèo Hải-Vân đến cầu Lăng-Cô cỡ 10 cây số là đổ dốc hết đèo Phú-Gia, nhìn bên phải có nhà dân cư dọc theo Quốc lộ 1 A là làng Phú-Gia, qua đoạn 150m bên phải có ngã ba Chân-Mây là con đường xuống hải cảng độ chừng 200m, áp sát đường hướng bắc đó là nhà ông Phan Tường em ruột của tôi.

Cha mẹ tôi ngày xưa còn trẻ đã sinh ra tôi tại đây vào ngày 16 tháng 10 năm 1939, nhằm năm Kỷ Mão cầm tinh con mèo. Đó là nơi chôn nhau cắt rốn, có họ hàng, bà con, làng xóm quê hương tôi.

Từ ngã ba Chân Mây chạy theo quốc lộ 1 A đến Thừa-Lưu xã Lộc-Tiến là xã quê tôi. Xuôi theo đường đến Nước Ngọt là xã Lộc-Thủy, qua đèo Phước-Tượng đến Cầu Hai huyện Phú-Lộc, huyện quê tôi. Tiếp nữa Đá-Bạc, Nong, Truồi, Phú-Bài, Hương-Thủy, An-Cự, thành phố Huế tỉnh Thừa-Thiên là quê hương tôi.

Khi tuổi ấu thơ và niên thiếu của tôi nằm trong thời kỳ thực dân phong kiến, phát-xít Nhật đổ bộ cướp nước đề đầu cỡi cổ. Kết thúc Đế nhị thế chiến, Việt minh lên nắm chính quyền 1945. Qua 1946 tôi mới lên 8 tuổi, còn nhớ cha công chạy giặc, ban đêm leo lên núi Khe Hang để trốn quân Pháp tái chiếm Việt-Nam. Lúc này tình hình chính trị rất rối ren, toàn dân cả nước, phải nỗ lực đóng góp tối đa từ tinh thần lẫn vật chất, để cực lực chiến đấu chống quân Pháp.

Quê hương tôi hướng đông giáp biển, hướng tây sát núi Trường-Sơn, làng nằm giữa, có đường quốc lộ 1 A và đường xe lửa áp sát với làng bên trái hướng tây.

Thời chống Pháp trên địa thế này là vùng xôi đậu, ban ngày của Pháp, ban đêm của V.M. Nhân dân sinh sống rất vất vả, chật vật, bị uy hiếp đủ điều.

Nhưng vẫn cứ bám đất bám làng để sống, góp phần chiến đấu anh dũng, chống quân Pháp suốt 10 năm gian khổ, đến 1954 mới được đình chiến, chứ chưa phải hòa bình độc lập.

Trong khoảng thời gian nói trên, gia đình tôi rất khó khăn, năm sáu tuổi đầu đã biết ra đồng mò cua bắt ốc hái rau, để gia tăng bữa cơm đạm bạc hằng ngày, lợi dụng đi làm công việc này để nghịch bùn bơi sông tắm suối cho thỏa thích.

Kỷ niệm một ngày anh em đi tát cá mò cua còn nhớ mãi suốt đời, tôi với anh Doãn con ông bác rủ nhau vào phía trong đường rầy xe lửa ngang cầu 8 thước, be bờ quanh một góc ruộng. Hai anh em hì hục tát hơn giờ đồng hồ mới cạn nước thì người đã mệt nhoài, đứng hết muốn nổi nên phải ngồi bẹp xuống sinh để mò cua bắt cá.

Ông Doãn mò mãi mê thế nào mà một con đĩa trâu to bằng đầu chiếc đĩa chui tuột vào hậu môn của ông, cảm giác nhột nhạt sờ tay nghe trơn lạnh. Anh kêu tôi : "Đĩa em ơi ! Mi xem giúp tau hình như có con đĩa đang chui vào đấy".

Tôi vội vàng chạy lại bảo ông chống hông lên để xem thì thấy nó đã chui vào hết hai phần con, chỉ còn thò bên ngoài cỡ một phần, nhìn kỹ đúng là một chú đĩa trâu, nhanh nhẹn thò tay dí hai móng bấm thật chặt cố gắng lắm mới kéo nó ra được. Hai thằng nhìn nhau sợ quá không dám mò nữa đi qua vũng cầu tắm rửa ra về.

Nhớ lại những lời kể chuyện của bà nội, đĩa mà chui vào lỗ tai là nó ăn hết óc, rồi đẻ đĩa con đầy đầu, chui vào bẹn, vào hậu môn hút hết máu làm chết người, sợ quá từ nay về sau không dám ngồi bẹp xuống sinh mò cua bắt cá nữa.

Năm 1945, anh em tôi được 7 tuổi đời, bác cho ông Doãn đi học trường Dì Phước dạy cạnh nhà

thờ Đạo Công-giáo của ông Cổ Vi, Cổ Phương ngoài Tam Vi. Từ nhà ra đến trường học độ chừng hai cây số có đi qua một cái cầu leo nguy hiểm, đi không cẩn thận là lọt tòm xuống sông, bác gởi anh Doãn cho chị Xuyên và anh Khuê dắt qua cầu lúc đi cũng như khi về. Còn tôi đã đến tuổi đi học mà chẳng được đi, vì không người giữ nhà trông em để cha mẹ đi làm công việc đồng áng, một phần đường xá qua cầu nguy hiểm, nên cha mẹ tôi chưa cho đi học.

Cách Mạng mùa thu năm 1945 dành được thắng lợi, nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra đời, mới có phong trào bài trừ giặc đốt, Bác Hồ kêu gọi toàn dân phải đi học từ già đến trẻ bắt buộc phải đọc thông viết thạo chữ quốc ngữ. Ba tôi ngày đi làm lụng tối lại phải tập trung đến trụ sở tham dự khoá học Bình dân học vụ, do Thầy khóa Nhược dạy.

Hồi đầu cha tôi mới học hai mươi bốn chữ cái, ông học được chữ nào về truyền dạy lại cho tôi. Thế là tôi được cha tôi làm thầy khai trí học vỡ lòng đầu tiên. Tôi học tới học lui hai mươi bốn chữ cái mà u mê đọc trước quên sau. Cha tôi có một cây roi mây nhỏ xít bằng chiếc đũa, dài cỡ một mét rưỡi, đầu roi có chùm rễ xoè ra để ông cầm mà đánh.

Một bữa nọ ham đi chơi rong quên hết, chiều ông đi làm về, khảo bài không thuộc, nổi nóng rút roi phết vào lưng lần ngang lần dọc đau điếng người. Mẹ thấy tôi bị ăn đòn sót ruột lắm, nhưng chẳng dám cự nự ông một lời để an ủi. Bà nghĩ rằng ông cũng thương con nên phải răn đe đánh đập cho nó nên người.

Tháng 1 mùa Xuân năm 1946, trong xóm có hai ông bà, gia đình khá giả, mời gia sư dạy học trong nhà cho con cháu của họ, dạy cả chữ quốc ngữ lẫn chữ Hán. Được cha dẫn đến lớp học, trước xin hai ông bà chủ chấp thuận, sau gởi tôi cho thầy dạy dỗ. Đầu tiên thầy đặt tên cho tôi là Phan Vinh, thầy dạy lễ phép, chào kính người trên kẻ dưới, đã là học trò không được nghịch phá, tham lam, trộm cắp của bạn bè, phải đoàn kết thương yêu chỉ vẽ lẫn nhau, biết thi đua học tập cho tốt.

Thế là năm nay tôi mới được ngồi lớp học tại trường có thầy giáo dạy, nói là trường chứ một gian chái gạnh ra bên hông nhà trên cửa hai ông bà chủ, kê mấy bộ bàn ghế thô sơ, cả lớn bé đều ngồi chung một lớp. Học với Thầy Khóa Nhược được tám tháng tập viết chữ ghép vần tiếng Việt, xem sách chữ in chưa thông suốt, thì thầy xin nghỉ dạy về quê hương gia đình của thầy ở làng Thổ Sơn.

Khi thầy còn dạy học tại làng Phú-Gia, tuổi thầy đã cao nên già yếu, ngày thì dạy lớp học trẻ từ sáng đến tối mới được nghỉ. Một lớp học trên dưới khoảng hai mươi trò lớn nhỏ, trình độ cao thấp khác nhau, thầy soạn bài viết bài cũng vất vả, tối lại bắt buộc thầy phải đi dạy học bình dân học vụ, sức thầy chịu đựng không nổi, nên thầy xin ông bà chủ cho nghỉ về nhà. Không còn thầy dạy sự học của tôi bị gián đoạn từ đây, ở nhà đi chơi long nhong.

Đạo này em gái tôi đã biết bông em giữ nhà nấu cơm, tôi giao việc cho em tôi làm, chạy rong nghịch phá. Cha tôi thấy vậy, đến gia đình cùng xóm có một bầy trâu rất đông, năn nỉ hai ông bà chủ xin chần rẽ một nái để gầy giống và cày ruộng, để ghé con thì chia ba, chủ hai còn người chần giữ một.

Được ông bà chủ chấp thuận, làm giấy hợp đồng dắt trâu nái mẹ về nhà, bắt đầu tôi được làm mục đồng chăn trâu không còn rảnh rỗi đi chơi rong lêu lổng nữa. Làm mục đồng chăn trâu có nhiều bạn bè cũng thích thú.

Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ, được ngồi lưng trâu, được sờ đuôi trâu. Hằng ngày được ngồi trên lưng trâu di chuyển một vài cây số là thường. Khi đến bãi chăn thả, bày ra các trò chơi như : đánh đu, đánh đáo, đánh bi, đá cầu, đá bóng, múa gươm múa gậy, chạy ô ba, xúi nhau vật lộn, nghịch ngợm đủ thứ v.v... Tôi đi chăn liên tiếp ba năm, trâu mẹ đẻ cho được hai chú ghé đực, một con ba tuổi, một con hai tuổi mập mạp dễ thương, tôi yêu mến chúng lắm.

Tháng 9/1950 lính Pháp mở cuộc hành quân ra xóm Tre, xóm Đình làng Phú-Gia. Không hiểu mấy ông du kích địa phương dàn trận đánh thế nào bị thất thế để chúng vây bắt được một ông, trói tay dắt về đồn Thừa-Lưu theo đường quốc lộ 1 A. Lính Pháp nhìn thấy năm bầy trâu chần gần đường lộ ngã ba Chân-Mây bây giờ. Một ông quan hai người Pháp chỉ tay vào đàn trâu đang gặm cỏ la om sòm, ra lệnh cho mấy tên Việt gian đi theo Pháp lội xuống ruộng dí súng bắt anh em tôi đánh hết trâu về đồn, nó lấy cái cớ trong làng có V.M. Lừa hết năm bầy trâu lên đồn Thừa-Lưu nhốt hết vào trong hàng rào đồn lủ của chúng, đóng chặt cổng trại rồi đuổi anh em

tôi đi về.

Tôi tiếc nuối buồn rầu, lủi thủi ra về vừa đi vừa khóc, vì thương hại cho hai con ghé bé dại yêu quý của tôi. Hai anh em tôi với ông Sinh về đến cổng Gạo tai nghe phía sau có tiếng xe chạy. Ngoảnh lại nhìn thấy một chiếc xe Dodge chở đầy lính súng đạn mã tấu, mấy anh lính người Việt kêu to : Ê, hai thằng tê.

Tôi tưởng nó cho quá giang về làng, hai anh em co giò chạy theo cỡ năm mươi mét, xe nó từ từ dừng lại tại cổng Gạo ngang xóm Rú là xóm Núi, dắt xuống xe hai người bịt hết con mắt đưa xuống bờ ruộng gần suối để đứng tại đây. Mấy thằng lính người Việt nói hai thằng mày đứng đó coi tụi tau cho hai thằng V.M. về châu Diêm vương.

Tụi lính đánh thuê cho Pháp toàn người Việt, cả một tiểu đội nó nằm sắp xuống đường lộ, ôm súng Mas 36 lên đạn nghe rộp rộp. Thằng quan Tây ra lệnh bắn, chúng bóp cò súng nổ liên thanh, đạn bay trúng vào người của hai ông nhảy căng lên trời rồi nhào đầu xuống đất dẫy chết. Tụi nó buông súng, xách mã tấu chạy xuống bờ ruộng chặt đầu. Tôi nghe tiếng mã tấu chạm xương cổ kêu cộp cộp. Khi đầu lìa khỏi xác chúng xách lên đường, leo lên chạng ba của cây mù u lớn trồng bên đường lộ để đầu lên đó, nhét vào miệng mỗi ông một miếng thuốc lá trắng lố, rồi tụt xuống leo lên xe tài xế lái chạy về đồn. Ông Sinh nhìn thấy có run hay không lúc ấy tôi chẳng để ý. Riêng tôi thì mặt mày tái mét run cầm cập hồn vía bay hết lên ngọn cây. Thật căm thù cho cái quân độc ác, người Việt giết người Việt, tôi ngao ngán cho đời có chiến tranh xâm lược. Anh em lủi thủi đi về mà thương tiếc tội nghiệp cho hai ông ấy.

Đêm hôm đó hể tôi nhắm mắt ngủ là mơ màng ác mộng trước mắt nhan nhản cảnh tượng hiện ra khi mình được chứng kiến sự giết người tàn bạo của bọn thực dân Pháp.

Ngày hôm sau có một số cụ già lụ khụ 65 tuổi trở lên 70, 80 tuổi, mặc quần dài trắng áo dài đen, chân mang guốc, đầu chít khăn đóng, che dù đen đội nón trắng, rủ nhau cuốc bộ lên Đồn Thừa Lưu xin lại năm bầy trâu. Nghe mấy cụ đi về kể lại tụi Pháp không thêm tiếp, nên chẳng thương lượng gì được.

Cách năm sáu ngày sau, vì trâu bị nhốt lâu ngày quá đói khát, phần nó sợ giết thịt, nên ban đêm xé rào tẩu thoát về làng. Mỗi bầy bị giết hai hoặc ba con trâu tơ mập, để tiếp tế cho lính Pháp ăn khắp cả địa bàn đồn trú trong huyện Phú-Lộc. Bầy trâu của tôi gồm ba con hai chú ghé để thương của tôi đã bị chúng giết thịt, chỉ còn lại con trâu mẹ già ốm về được. Tháng giêng năm sau bị một trận dịch nó cũng chết luôn, thế là toi cơm mấy năm chần dất dãi dầu mưa nắng.

Tháng 2 năm 1951, khủng hoảng kinh tế gia đình vì quân Pháp chẳng cho cày ruộng, cấy lúa trong đường quốc lộ 1 qua đường xe lửa giáp chân núi, vì chúng sợ phá đường giao thông xe tàu. Hết gạo ăn, thất nghiệp đói khát khuôn bắt, cha tôi cũng trốn làng vào Lãng-Cô theo bác tìm việc làm kiếm sống, tiết kiệm tiền gửi về cho mẹ nuôi anh em tôi.

Vào được Lãng-Cô cha tôi nhờ bác kiếm việc, xin với ông Cửu Sang làm bốc xếp các đống gỗ to tướng do trâu bò kéo trên rừng về để tại ga tàu lửa Lãng-Cô. Ba đến bốn chục người mới lập thể kéo lên toa tàu được một đống súc Chò-chai to tướng nặng trĩch, để ông chủ đưa vào Đà-nẵng hoặc ra Huế bán cho các trại mộc đóng đồ gỗ, mới có tiền mang về phát lương cho cu-li. Còn mẹ tôi ở nhà đi khắp làng tìm hỏi mua tre chặt vác về, cây dài cửa làm bốn, cây ngắn cửa ba, tùy theo thước tắc mà cửa cho phù hợp, bó lại đưa lên vai vác đi, đến ga Thừa-Lưu bỏ lên toa tàu, mua vé và cước phí, rồi chở vào ga Lãng-Cô bán lại cho mấy ông thuyền chài để họ đan dụng cụ đi làm nghề, kiếm tiền lời về đóng gạo nuôi con, cứ sáng đi sớm chiều về nhà với con cái. Có bữa mua không có tre thì chặt một cây chuối nặng trĩch một chuyến vác.

Năm nay có chị Hai con của bác Cả chồng chết sớm không có nhà ở, một tay phải nuôi hai đứa con trai còn bé dại, ở chung trong nhà. Sáng sớm thím cháu vác chuối đi với nhau.

Chị Hai khỏe hơn vác cây to, mẹ yếu hơn vác cây bé vừa, phải đi năm cây số mới đến nhà ga xe lửa, bán cho thương lái mua chở vào Lãng-Cô bán lại cho các người nuôi heo. Thời ấy nuôi heo mọi cho ăn toàn rau lang và chuối cây, làm gì có thực phẩm hỗn hợp như bây giờ.

Mẹ và chị bán được tre và chuối thì đóng gạo về ăn được trong ngày, mai lại đi làm tiếp, cứ thế mà cứu gia đình qua khỏi cơn đói khát ngặt nghèo. Thời gian cha vào Lãng-Cô làm việc, ở nhà nhớ cha quá, xin mẹ cho đi theo vào ga Lãng-Cô thăm cha. Xuống tàu đi đến chỗ cha đang bốc cây, thấy cha lao động nặng nhọc vất vả thương cha quá.

Một hai lần đầu vào thăm cha xong lên tàu về lại với mẹ. Lần sau nữa xin cha ở lại, ở với bác, chiều tối cha đi làm về ăn ngủ với cha. Mấy ngày sau cha đi làm, tôi ở nhà theo ông Doãn sang

ga Lăng Cô bán nước cho lính Pháp đi lại trên xe lửa. Anh Doãn thì khôn ngoan lanh lẹ hơn, anh chỉ vẽ cho mà làm, đi sẵn nhất vỏ chai thủy tinh, súc rửa cho sạch, hái lá bàng non vò nát nấu đậm đem pha trộn với nước lã cho có màu nâu lợt giống nước chè, đổ vào chai đóng nút kỹ, nằm bảy chai bỏ hết vào giỏ mang đi rao bán. Chẳng thấy thằng Tây nào chịu mua bằng tiền, nó chỉ trao đổi mà thôi, nó đổi cho phong bánh Bítqui, bánh kẹo, ổ mì, hộp cá hoặc hộp thịt nhỏ, nhiều ít cũng đổi.

Có một vài thằng Tây xấu bụng kêu đưa nước cho nó, nó đổ đầy bình đông, rồi nó đuổi mình đi chỗ khác chẳng cho cái gì, hận quá chửi đ. m. mi, nó chẳng hiểu mình nói gì.

Hôm nào lính Pháp đi hành quân đông trên tàu đổi được nhiều thứ. Cái nào còn nguyên vẹn bao bì tốt, đem bán lại cho mấy mụ bán quán lấy tiền, thứ không có bao bì thì để dùng hoặc mang về nhà cho các em.

Tháng 5 năm 1951, đến mùa lúa chín ở quê, mẹ bắt tôi vào Lăng Cô kêu cha trở về làng thu hoạch vụ mùa đông xuân, cha con cùng về với nhau, dạo này không vào ở Lăng Cô nữa.

Thỉnh thoảng cha con vào thăm hai bác và các anh chị một bữa, rồi trở lại sinh sống với xóm làng.

Mùa xuân năm 1952, thầy Khóa Sinh mở lớp dạy học hai thứ chữ Hán Việt, ai muốn học chữ gì tùy ý thầy vẫn dạy. Con nhà khá giả xin học cả hai thứ, tiền thầy mua sắm giấy bút phải gấp đôi. Nhà nghèo nên cha chỉ nhờ dạy một thứ chữ Việt mà thôi. Mẹ mua sắm cho đầy đủ giấy bút, may cho một bộ áo quần mới, một cái mũ đan lát thủ công bằng sợi cói, để đội đầu đi học che mưa nắng. Cha dắt đi đoạn đường năm cây số mới đến nhà ông Bàn tại xóm Bàu làng Trung-Kiên nơi thầy dạy học gọi cho thầy.

Tại xóm Chùa tức là xóm của tôi ơ, dù chỉ có tôi với ông Khảm được cha mẹ cho đi học mà thôi, các bạn trang lứa vì nhà quá nghèo không có cơm rau để ăn, còn nói gì đến việc học hành, chỉ cho đi ở chăn trâu bò cho các nhà giàu kiếm cơm ăn để sống mà thôi. Dạo này tôi với bạn Khảm sáng sớm cơm nước xong, cắp sách đội nón, mang theo một bữa cơm trưa, cuốc bộ bằng hai bàn chân trần năm cây số mới đến trường. Lớp học đến trưa nghỉ ăn cơm, học lại buổi chiều, vì đường xa thầy cho hai anh em được ưu tiên nghỉ sớm, lại cuốc bộ năm cây số mới về thấu nhà. Cứ ngày qua ngày hai đứa cuốc bộ mỗi ngày mười cây số, mỗi tháng chỉ được nghỉ hai ngày rằm và mồng một Âm lịch. Theo học một năm với thầy Sinh biết đọc biết viết, biết làm những bài toán cộng trừ.

Mùa xuân năm 1953, thầy khóa Thúy ở làng Bình-An lên mở lớp dạy học ở làng Thổ Sơn ranh giới sát làng Phú-Gia gần đường đi hơn, nên tôi từ giã thầy Sinh về học với thầy khóa Thúy. Ông Khảm cũng theo tôi học thầy mới bỏ thầy cũ, hai anh em tôi học cùng lớp chữ quốc ngữ. Thầy khóa Thúy dạy tốt hơn thầy khóa Sinh, ông này dạy giỏi, học trò dễ hiểu, mau tiến bộ. Học với ông được năm tháng, đến tháng 6/1953, chợ Thừa-Lưu ban đêm tự nhiên bị hỏa hoạn thiêu rụi, phải kiến thiết lại chợ mới. Xã nhờ thầy viết văn tế lễ Khánh thành chợ, viết bằng chữ Hán. Không biết thầy viết những gì trong tờ văn tế mà bị vi phạm chính trị, thầy bị bắt đi tù. Thế là anh em tôi phải nghỉ học, vừa tiếc nuôi mình bị nghỉ học dở dang, vừa thương thầy không biết thân phận thầy tù tội nơi đâu mà thăm viếng.

Văn chương phú lục chưa hay, không thầy dạy chữ, phải học cày cho xong. Tôi lại tiếp tục đi chăn trâu cày ruộng. Mùa xuân năm 1954, chiến tranh gần ngày kết thúc rất ác liệt. Lính Pháp đốt hết nhà cửa, cưỡng bức cả làng phải di cư lên làng Trung-Kiên khu vực trắng trống, cho ở tập trung tại đây, chia lô cất lều trú ngụ.

Được cha cho học lại với thầy Sinh ít tháng, thì Pháp bị Việt-Minh đánh bại tại Điện Biên Phủ ngày 07.5.1954.

Đôi bên được lệnh đình chiến do hội nghị Giơ-ne-vơ (Thụy-Sĩ).

Cả làng được cho về lại chốn cũ làng xưa, tôi cũng tạ từ thầy về làng nghỉ học.

Năm nay tôi vừa được mười sáu tuổi đời, cùng cha dỡ lều, chuyển về làng sinh sống.

Tuy hoà bình nhưng đất nước vẫn còn chia đôi lãnh thổ. Miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở ra, miền Nam từ vĩ tuyến 17 cầu Hiền-Lương trở vào. Mỹ đưa cụ Ngô về làm Thủ Tướng miền Nam, cũng mở ra chiến dịch và các chính sách để ổn định lòng dân, viện trợ cho dân nghèo đói, xóa nạn mù chữ v.v...

Thời gian này anh Sanh còn trẻ tuổi đẹp trai, con nhà giàu học giỏi. Anh tự nguyện làm việc nghĩa, đứng ra mở lớp dạy học bình dân ban đêm cho con em mù chữ trong xóm chùa, học tại

nhà ông Đề, mẹ Đứu.
Ban ngày đi làm ăn, tối tập trung lại anh dạy cho học đến 23 giờ mới giải tán ra về.
Trong lớp học được bốn anh em có trình độ hơi khá ngang nhau, anh tách riêng ra Phan Vịnh, Trịnh Quyền, Lê Diên, Hứa Khảm dạy riêng chương trình học cao hơn và khuyến khích thi đua để học tốt.
Trong thời gian thọ giáo với anh trình độ văn hoá của tôi và các bạn cũng được nâng cao lên một ít, dù ít hay nhiều tôi cũng nhớ ơn anh ấy. Cho dù một chữ cũng thầy nửa chữ cũng thầy, nhờ vậy mà khi vào đời, đi xa gia đình, cũng có mang theo chút ít văn hóa tối thiểu để làm hành trang xử lý cho đời mình.

BÀI 2. MÁI NHÀ XƯA LÀNG XÓM CŨ

Từ năm 1955 đến năm 1959 tôi vẫn sinh sống với gia đình làng xóm tại quê hương.
Khi đã được hồi hương về xóm cũ làng xưa, cha tôi dựng tạm lên một túp lều tranh cỏ che mưa nắng tạm thời để lo bắt tay vào việc đọc thông viết thạo chữ quốc ngữ.
Ba tôi ngày đi làm lụng tối lại phải tập trung đến trụ sở tham dự khoá học mái ngói có tường gạch của ông bà Sắc Đ... Ông bà biết thương lượng xin với Pháp nói là cái nhà thờ của gia tộc, nên nó tha không đập phá, sau ngày đình chiến gia đình ông bà hồi hương về ở tốt lành nguyên vẹn, chỉ có một vài vết đạn nhỏ không đáng kể.
Toàn cả làng ai cũng dựng túp lều ở tạm, làng yêu cầu xã cho phép lên rừng khai thác gỗ về cất lại nhà ở được chấp thuận. Trong khi đi khai thác phải làm đơn Thôn trưởng chứng thực mang lên Xã phê chuẩn thuận cho, mới được mang theo lương thực ở lại ăn làm. Nếu ai không xin tự tiện mang lương thực đi bị Công an chế độ cũ xét gập quy cho tội tiếp tế V.C, bị tù mục xương.
Mỗi đợt đi làm phải xin phép gia chủ gánh theo lương thực, thợ rừng mang theo rìu, rựa, cưa, đục. Lộ trình phải chui qua hầm tàu lửa Phú Gia, thẳng đường rầy vào đến khe Bạch-Xà leo dốc núi đi mãi cho đến trại Hang. Đây có một cái hang đá to ở được, mới dừng chân hạ trại ở lại cả tuần lễ, đốn hạ cây to cưa xẻ ra thành kèo cột phách gỗ, đục lỗ bện xỏ dây cột chặt kéo xuống núi vác ra đầm kéo về gần cửa hầm tàu mới vác vai đi về nhà. Đoạn đường đi trên núi dốc và dưới đường đầm ước chừng hơn mười cây số.
Cha tôi thuê mướn thợ rừng đi khai thác bảy tám lần mới đủ nẹp nhà, vì làm nhà rường theo kiểu Huế cổ điển nên kèo cột nhiều lắm. Cây gỗ đã đủ mướn thợ mộc ông bộ Hòa làng Thổ Sơn làm thợ cả, ông Tổ học trò phụ, hai ông cầm cưa bào đục đẽo hai tháng trời mới dựng nhà lên được. Cha mẹ cũng chuẩn bị tấm lợp bằng cỏ tranh đánh hom sáu chải chuốt sạch sẽ, dây buộc lạt lợp cả năm sáu tháng trước mới đầy đủ. Sườn nhà cây gỗ được thợ mộc bào trơn đóng bén, mái lợp sạch sẽ gọn gàng, trông lên cũng mát mắt, vây xung quanh sườn tre tráp tranh lát kín đáo, được tạm ổn cả nhà ở khỏi sợ các cơn mưa bão khắc nghiệt tại miền Trung.
Lúc này anh Sanh được làng bầu làm Thôn trưởng nên nghỉ dạy học, anh em tôi cũng nghỉ học. Thời gian này ngày tối đi làm việc nhà, tối phải xuống xóm tre nhà mẹ Tình để dạy cho các em nhỏ học bình dân, những em nhà nghèo không có điều kiện đến trường.
Anh Sanh làm Thôn trưởng chỉnh đốn tổ chức lại, phân chia làng ra bốn liên gia, mỗi liên gia phải bầu một liên gia trưởng, tổ chức các đoàn thể thì có các lão ông, lão bà, nông dân, phụ nữ, mỗi đoàn thể phải bầu Ban Chấp Hành để lãnh đạo.
Đầu tiên tôi được bầu Chấp hành Thiếu niên.
Năm 20 tuổi sung vào đoàn thể thanh-niên, tôi cũng được bầu làm Ban chấp hành Thanh niên. Làm chức vụ này thỉnh thoảng nhận được giấy mời đi họp đại hội tại Xã, phải cuốc bộ năm cây số mới đến địa điểm họp, thường tôi chọn một chỗ ngồi sau cùng để an toạ. Cán bộ xã khai mạc cuộc họp tôi chỉ lắng tai nghe thuyết trình thao thao bất tuyệt, nghe hơi êm tai gió bên ngoài thoang thoang thổi vào phòng họp hiu hiu mát mẻ, tôi đánh một giấc ngủ.
Ngủ gật mê man ngon lành, không đề nghị không ý kiến cho đến khi bế mạc ra về.
Khi có Lễ Song Thất hoặc Quốc khánh 7/7, 26/10... nhiệm vụ phải sắp chữ dán băng rôn những câu tung hô và đả đảo, tôi không tiện viết ra đây đọc kỹ lắm.
Mỗi khi đi dự lễ tôi phải thân hành vác băng cờ khi đi cũng như khi về, chỉ làm tay sai cho các cấp lãnh đạo thôn và đoàn thể. Ăn cơm nhà vác ống loa hàng tổng, chẳng có được một tiếng khen ngợi, quyền hạn gì cả, thêm mất công bỏ việc của gia đình. Đôi khi báo với cha ngày mai

con bận đi họp, nhìn nét mặt của cha thấy ông không được vui, nhưng chẳng nói gì, tôi hiểu ông chẳng phải nề nang gì tôi, mà ông chỉ sợ mang vạ vào thân vu cho cái tội phản đối chế độ.

Chương II : Bốn phận công dân

BÀI 3. BỐN PHẬN, GIA ĐÌNH, XÃ HỘI

Lúc này tuổi đã trưởng thành phải làm nghĩa vụ đầu tiên cho làng, vì làng tôi có hương ước ấn định : Mỗi người nam trong làng khi tuổi đã trưởng thành, không sớm thì muộn phải qua một khóa (một nhiệm kỳ) một năm đầu xâu cho làng (tiếng Bắc là anh mỗ) làm tay sai cho làng, để các vị bô lão và ông Thôn trưởng sai khiến khi có việc cần.

Mời làng họp, đi quyên tiền tế tự xuân ky, thu thường, tổng đạt giấy báo thuế nông nghiệp, khi làng cúng tế bùng nổ đến nhà cho các vị bô lão bị ốm đau không đi dự tiệc được, bị sai làm đủ việc v.v...

Làm chức vụ này là một tay sai mà thấy nhàn hơn chức vụ trên. Được bàn giao Ban chấp hành Thanh-niên cho người khác, được miễn đi canh gác ban đêm giữ an ninh trật tự trong làng. Thu xong vụ thuế nông nghiệp lại được tiền thù lao, ông Thôn trưởng trích quỹ thôn cho 10\$, tỷ giá tiền bây giờ cỡ 100.000\$. Nhưng ông chẳng đưa trực tiếp cho tôi, mà lại gởi cho cha mang về sung vào quỹ gia đình để mẹ chi tiêu việc chợ búa.

Trong làng có người qua đời tôi cũng đi gánh đám đưa các vị đến nơi an nghỉ cuối cùng. Chiến tranh chống Pháp đến lúc ác liệt, đình chùa bị bom đạn tan tành, nên phải đóng góp tiền bạc công sức xây dựng lại. Thành lập Đoàn Gia-đình Phật Tử để hương khói tụng niệm ngày rằm, mừng một âm lịch hằng tháng tôi cũng có tham gia.

Năm 18 tuổi cha đi nói vợ. Phải làm rể 3 năm mới được cưới, công việc làm rể phải đi cày ruộng, vun luống khoai lang cao ngang thắt lưng cho gia đình bên vợ, làm một ngày là oải ba sườn.

Mang tiếng thanh niên nhưng sức còn yếu, lao động không kịp ông già vợ.

Nhờ ông có lòng thương con rể nên chẳng trách móc gì.

Tôi lấy vợ là do cha mẹ quyết định, vợ chồng tôi chẳng quen biết trước và tìm hiểu gì cả, nhìn nhau như mặt trăng mặt trời, do cái tội mắc cỡ, chứ chẳng phải chê bai gì nhau. Làm rể đã lâu ngày, cha vợ thấy hai đứa chẳng tâm sự gì với nhau. Tôi nhớ có một hôm ông gọi cả hai chúng tôi đi theo ông ban đêm để thăm chệp (đó), ông dặn cảnh cho ngồi trên đường quốc lộ, ông lội xuống ruộng đi mất cỡ một tiếng đồng hồ mới quay trở lại, hai đứa tôi cứ ngồi im lặng chẳng đứa nào nói năng một điều gì. Bây giờ nhớ lại mới buồn cười.

Đến năm 1960, nhà cửa làm xong xuôi ổn định, cha mẹ lo cưới vợ cho tôi, đang hội ý với nhau, tôi rình nghe, hai ông bà bàn bạc việc sắm sanh lễ vật. Bà nói theo thông lệ của phong tục, phải làm một đôi hoa tai một chỉ vàng y (vàng 24 ca ra) là một số tiền hơi lớn nhưng phải có. Ông nói thời này làm bông chạm lọng là xưa chỉ có mấy bà già còn đeo mà thôi, hiện nay tôi thấy con gái toàn đeo hoa tai bèo, mình đi đặt cho thợ họ làm đôi hoa tai bèo hợp thời trang cho con dâu nó thích. Bà nói : Hơi đâu mà ông đi chiều con dâu, theo tôi nghĩ bông tai bèo là để đeo đi chơi các lễ thường, còn đây là mình sắm lễ cưới xin, nhà mình con cái hiếm hoi mà nó là con trưởng nam, làm bông tai bèo đi cưới vợ rằng được. Bà nói tiếp, ông không nghe người ta nói : Lênh đênh bèo nổi trên sông,

Bèo trôi dạt biết về nơi mô.

Ông chịu thua lý của bà, nhất trí đặt làm đôi hoa tai chạm lọng.

Lại bàn qua cặp áo cưới, phong tục ở Huế áo cưới cô dâu phải mặc hai chiếc áo dài. Bà nói :

-Mình mới làm nhà cửa vừa xong tiền bạc cũng thút mụt, may cả cặp áo dài mua vải tốt lấy dâu ra tiền, còn phải sắm sửa cỗ bàn nữa, ít nhất cũng phải mời bà con họ hàng, hàng xóm, tính sơ cũng bốn mâm, đãi họ đàn gái đưa dâu hai mâm, con cháu trong nhà nữa, vị chi phải bảy tám mâm chớ phải ít sao, mà đi vay mượn thì cũng phải trả. Cưới rồi bắt con dâu đi làm trả nợ là

tội nghiệp cho chúng nó, mà mình cũng mang lấy tiếng tăm. Tôi nghĩ ông bà sui và con dâu nó cũng hiểu cho hoàn cảnh gia đình mình. Ông bà nhất trí may cặp áo cưới bằng vải nội hóa loại xoàng, bàn xong việc bông hoa mua sắm áo quần.

Cha đi nhờ thầy xem ngày lành tháng tốt để tổ chức đám cưới, năm 1960 là cha mẹ cưới vợ cho tôi, rước nàng dâu mới về chung sống với gia đình, vài tháng sau cô em gái cũng cất bước theo chồng. Vợ chồng tôi đi làm lụng với nhau cũng vất vả, hết việc đồng áng lên núi chặt củi đốt than. Trở lại mùa cấy gặt thì làm việc đồng áng, chân lấm tay bùn, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, tương lai mù mịt, lấy nhau cả một năm mà chưa dám sinh con.

Lúc này lại nhận được lệnh gọi đi quân dịch, phải đi trình diện khám tuyển, Bác sĩ khám chưa đủ sức khỏe, Hội đồng tuyển binh cho hoãn lại năm sau sẽ xét tuyển. Ở nhà được một năm, qua năm sau có lệnh gọi lại, tôi nghĩ lần này là phải đi thôi. Đi quân dịch thời ấy nhà nước chỉ nuôi cơm, chẳng có lương bổng gì.

Tôi lo lắng, nhà thì nghèo mà đi các thứ lính không lương lấy gì ăn tiêu, phần tiết kiệm được đồng nào gửi về phụ giúp gia đình. Tôi tính toán suy nghĩ chắc phải tìm lính gì có lương bổng đi đăng ký trước, dù gì mình cũng phải đi làm lính, không sớm thì muộn, chẳng ai cho ở nhà với vợ mãi được đâu.

Tôi nhất quyết phải bỏ lại cha mẹ, vợ, em, làng xóm để ra đi làm bốn phận nam nhi hồ thủy.

Đi cho biết đó biết đây

Ở nhà với vợ (mẹ) biết ngày nào khôn.

(Ca dao)

Chương III : Nghĩa vụ quân sự

BÀI 4. ĐĂNG KÝ LÍNH BIỆT ĐỘNG QUÂN MIỀN NAM.

Đầu óc tôi đang suy nghĩ tìm kiếm đăng ký vào binh chủng nào cho có lương, thì gặp dịp Xã đưa thông tư về làng phổ biến nhà nước đang tuyển mộ lính Biệt Động Quân ai muốn đi đến Tiểu-Khu Thừa-thiên để đăng ký. Sau khi bế mạc cuộc họp của thôn, về nhà xin cha mẹ đi đăng ký lính này. Hồi đầu cha bảo đi lính nào phục vụ gần địa phương, thỉnh thoảng về thăm gia đình vợ con, sau nghe cái lính này ở mãi trong Sài gòn xa xuôi quá chớ nên đi, tôi phải lựa lời lẽ năn nỉ phải trái mãi, ông bà mới xiêu lòng cho tùy ý. Xong chuyện cha mẹ, cũng phải bàn qua với bà xã vài câu cho hợp lệ, tài gì mà bà xã giữ được chân, khi lòng tôi đã quyết.

Trong khi sắp đi xa mẹ tôi sắm một mâm cỗ, để cha cúng bái Tổ Tiên Ông Bà, cha tôi khẩn nguyện được ơn trên phò hộ tôi được bình an mạnh khỏe, ngày ra đi có ngày trở lại. Cha cũng dặn dò tôi đủ điều không thể nhớ hết nổi, chỉ nhớ vài câu đại khái, nên làm việc thiện lánh việc ác, khôn ngoan xảo quyết quá người ta cũng ghét, đại đột thiết tha quá thiết cho bản thân, con liệu mà ăn ở đối nhân xử thế cho phải đạo là tốt, điều cần nhất giữ gìn sức khỏe là quý hơn tiền tài vàng bạc, kể cả ngọc ngà châu báu cũng không sánh bằng sức khỏe của con người. Câu cuối ông dặn thêm phải biết thương cha nhớ mẹ, thương vợ nhớ đến các em và quê hương tình làng nghĩa xóm. Chớ nên vui vẻ quá trớn mà quên hết lời dặn dò của cha và nhiệm vụ của cấp trên giao phó, quên gia đình là con lười đạo, quên nhiệm vụ bị khiển trách phạt tù tội không có cơ hội tiến thân, tôi cũng hứa xin giữ lời cha mẹ dạy con không khi nào dám quên. Sau khi cúng bái Tổ tiên Ông bà xong, cha mẹ dọn đồ cúng xuống bàn, quanh quẩn cả gia đình dùng bữa cơm thân mật, ngày mai xách gói lên đường. Đồng hành có ba anh em Vĩnh, Sâm, Sơn đã cùng rủ nhau từ mấy hôm nay, khi ra đến Tiểu khu Thừa-Thiên (Huế) ba anh em vào xin đăng ký lính Biệt Động Quân. Ngày vào Phòng xét tuyển, Vĩnh, Sâm đủ tiêu chuẩn được thu nhận, Sơn bị rớt vì quá thấp không đủ chiều cao, thất vọng cúi thủ ra về một mình buồn da diết, hai anh em được trúng tuyển ở lại cũng ngậm ngùi thương hại cho Sơn.

Trong năm nay có một số đông anh em trong làng đồng trang lứa, họ đã rủ nhau đăng ký lính

Bảo-An đi gần ngót, anh em tôi thấy ở nhà cũng buồn nên rủ nhau đi .
Tôi khám sức khỏe đã trúng tuyển, hai hôm sau Ban Tuyển binh thu nhận hồ sơ khai sinh vợ, hôn thú, thẻ căn cước, để thiết lập hồ sơ quân bạ. Binh 2 Phan Vinh số quân 60/202.413 nhập ngũ ngày 07/9/1961 Binh chủng Biệt Động Quân tại Tiểu khu Thừa Thiên. Nay tôi đã chính thức là người của quân đội Chính phủ miền Nam. Phải ở tập trung tại Mang-Cá Huế để đợi tuyển dụng cho đủ số lượng, thời gian chờ đợi tại đây cả hai tháng trời nhà nước phải nuôi ăn, lần đầu tiên tôi được ăn cơm nhà binh tập thể tại đồn Mang Cá, ở đây nhà bếp cho ăn cũng tạm được. Mỗi ngày chỉ có hai lần tập hợp điểm danh sáng và tối mà thôi, chẳng có làm công việc gì cả, tập hợp kiểm danh buổi sáng xong, rủ nhau kéo ra Phú Văn Lâu chơi bơi lội tắm giặt trên sông Hương, trưa về dùng cơm lại đi chơi tiếp. Có một số anh em nhà quê mới lên tỉnh lần đầu tiên còn ngáo ộp, đi xa cha mẹ cho ít tiền mang theo hộ thân khi cần đến không biết giữ gìn, bị bọn du đảng bụi đời làm cò mồi dụ khi đánh tráo bài ba lá, mấy anh có máu mê cờ bạc moi tiền ra đặt xuống bị chúng tóm hết sạch vậy. Bên phe lính mới thì đông, tụi đánh lộn bài tráo chỉ có ba bốn đứa nó ăn hết tiền đã đầy túi vội la lớn có Cảnh sát đến bỏ chạy mất tiêu. Phát hiện gian lận, biết nó nơi đâu mà tìm, đành chịu thua, bị chúng cho một bài học đau hơn hoạn. Khi chờ đợi tại đây tôi cũng xin phép cán bộ tuyển binh về thăm lại nhà ba bốn lần. Tháng 12/1961 mới đưa đi thụ huấn, trước khi đưa đi huấn luyện cán bộ cho biết ngày giờ lên tàu lửa, để anh em về đông đủ tập hợp mà đi, tôi cũng về thăm nhà lần cuối cho bà xã biết tôi đi chuyến tàu đêm tại ga Huế, sáng 07g30 tàu chạy ngang qua địa phương, tôi trông xuống bờ ruộng bên lề đường tàu nhìn thấy bà xã đứng một mình, ngửa mặt nhìn lên tàu, tôi đứng sấn ngoài cửa đưa bàn tay bai bai vài cái, tàu đã chạy đến cửa hầm Phú Gia chui qua mất hút, tôi bùi ngùi thương vợ muốn ứa nước mắt. Tàu chạy một ngày rờn rã đến 24g00 đêm vào tới ga Nha-Trang thì xuống tàu. Có cán bộ hướng dẫn đến đoàn xe quân vận chờ sẵn ở bên ngoài sân ga, cán bộ ra lệnh cho anh em leo hết lên xe chở ngược lui Ninh-Hòa rồi rẽ về Dục-Mỹ là đã đến địa điểm huấn luyện. Năm ấy Trung tâm huấn luyện mới thành lập, nhà cửa còn lụp xụp, không đủ cho lính ở phải che thêm lều vải ở tạm, ban ngày trời nắng nóng lắm không chịu nổi. Qua ngày sau lãnh quân trang quân dụng đầy ắp một xách maranh (túi đựng a 794; <0% 56; 0794; 5; âm nhớ bồ dù về thăm ăn tết ở nhà, còn tôi thì nhát gan không dám làm việc phạm kỷ luật, ở lại quân trường ăn tết đầu tiên trong quân đội, nhớ nhà, nhớ cha mẹ, nhớ vợ buồn muốn thúi ruột. Tết xong anh Sâm trở lại trình diện bị phạt, trước tiên cạo đầu trọc lóc như thầy chùa, nhốt vào chuồng cọp, kẽm gai đan kín, thấp, nhốt vào thì chỉ có ngồi còm lưng, bò bốn chân như con cọp, sau phạt đi nhảy tử thần khô tại núi Đeo. Dây tử thần là một sợi dây cáp dăng từ chóp núi xuống chân núi dài cỡ 150m, khi nhảy móc rõ rẻ vào dây cáp, người nhảy hai tay cầm chặt hai chiếc vòng sắt gắn liền với rõ rẻ chỉ co giò lên cho hồng mặt đất, thế là bánh xe rõ rẻ đưa người chạy xuống độ dốc của sợi dây, khi chạy xuống gần chạm mặt đất có người cầm cái cờ đỏ phất mạnh một cái là phải buông tay té theo thế nghiêng mình kể cả vai xuống bãi cát nhào lộn theo trớn bốn năm vòng đúng tư thế thì an toàn, té thất thế thì bị thương tật cột sống, gãy cổ, có khi bị vỡ gan mật gây chết người, nếu không chết cũng bị tàn phế suốt đời. Qua một thời gian cho khóa sinh bị phạt nhảy thử nghiệm, có gây ra chết người nên mới dẹp bỏ môn này, chỉ còn huấn luyện dây tử thần nước mà thôi. Tháng 2 năm 1962 bắt đầu vào khuôn khổ huấn luyện rất căng thẳng. Súng Garan M.1. không có dây mang, luôn luôn cầm hai tay nghiêng đầu súng về bên trái 45 độ, vai mang ba lô nặng 20 kg, đầu đội nón sắt hai lớp, chân mang giày Bốt-đơ-sô, khi di chuyển ra bãi tập năm cây số, phải chạy đều bước hai hàng dọc, khi đi cũng như khi về, không bao giờ cho đi đều bước thông thả, thời gian này vừa làm tạp dịch vừa huấn luyện quân sự, bị hành hạ quần thảo thật gian khổ, có một số anh em không theo nổi đã đào ngũ tại quân trường.
Mấy ông Sĩ quan huấn luyện viên nói thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu. Nhà bếp của Trung tâm nuôi ăn rất tệ hại mất vệ sinh, cơm thì hai phần cơm một phần lúa, thức ăn canh rau muống già đựng trong sọt cần xé gánh xuống suối chao đảo vài lần đem lên đổ vào chảo nấu với nước lã và muối hột, món ăn mặn cá biển ướp ithub kho với nước và muối thấy toàn xương ăn mặn chát. Nhưng đi tập dợt về bụng quá đói cũng dứt một gamen đầy ắp ngon lành.
Khóa A và B này khai giảng đầu tiên lúc Trung tâm mới thành lập nên rất thiếu thốn mọi mặt. Trung tâm phải giữ lại làm tạp dịch kiến thiết quân trường, mọi người đều được lãnh lương

hàng tháng, riêng mình tôi chỉ được nuôi cơm giống như đi quân dịch, tôi tìm hiểu nguyên nhân, anh thư ký quân số báo cáo đào ngũ nhằm tên của tôi nên bị ngưng lương, tôi làm đơn khiếu nại chẳng được giải quyết, cũng ráng cố gắng chịu đựng qua thời gian huấn luyện này. Ngày măn khóa rời quân trường ra đơn vị hành quân, xe quân vận chở hết vào ga Nha-Trang lên xe lửa vào ga Saigon, xe chở về Miền Tây tỉnh Long-An trình diện Đại Đội 32 Hành Chánh Quản trị Biệt Động Quân, tôi lại làm đơn trình bày lý do gần một năm tôi chưa có lương, Đại Đội Trưởng cho tôi được lưu trú tạm thời với năm anh em cùng khóa hàng ngày canh gác cổng ra vào, chờ đợi điều chỉnh lương bổng cả một tháng mới được, cho tôi ký lãnh một tháng để thanh toán tiền cơm tháng khi lưu trú tại đây. Điện đến Hạ sĩ quan Hậu cứ tại Trại Lê văn Trúc Mỹ-Tho lái xe Dod đến Long-An nhận lãnh sáu anh em tân binh, về đến căn cứ hậu trạm, ra lệnh gọi hết rương xách túi quân trang công kênh vào kho Đại Đội, Hậu cứ trang bị súng đạn xong, vai mang ba-lô tay cầm súng nạp đạn tư thế sẵn sàng chiến đấu lên xe Dod của Hậu trạm tài xế đưa đến bắc Rạch-Miễu đi Kiến-Hòa xuống phà chạy cập bến xe leo lên đường chạy mãi về tới tỉnh Kiến-Hòa xuống xe, đến tàu thủy lên tàu chạy dọc theo sông Hàm Luông. Trong khi đang di chuyển trên tàu tôi nhìn thấy quang cảnh mênh mông, sông nước hai bên bờ sông nơi nào cũng trùng trùng điệp điệp toàn cây dừa nước rậm rạp, chẳng thấy loại cây gì mọc xen lẫn. Tàu chạy cả buổi sáng cho đến 15giờ chiều mới cập bến chợ huyện Thanh-Phú nơi đồn trú của đơn vị hành quân. Tân binh chúng tôi có sáu anh em được bổ sung về đây. Thường-vụ Đại Đội hướng dẫn trình diện Đại Đội Trưởng, ông dặn dò anh em chúng tôi đôi lời, rồi ra lệnh Thường vụ bổ sung cho các Trung-đội mỗi nơi hai người, tôi được bổ sung về Trung đội 1 trình diện Trung đội trưởng nhận công tác. Tôi được phân công làm khói lửa cho Ban Chỉ huy Trung đội gồm có sáu miệng ăn, sáng nhận tiền ra chợ mua thức ăn về trại nấu cơm, đến 10 giờ dọn ra mời ăn bữa trưa, rửa dọn nghỉ ngơi lo bữa chiều. Bốn cũ soạn lại cứ thế mà làm, khỏi đi hành quân tuần tiểu trong khu vực của huyện, ban đêm phải gác hai giờ. Ở đây được ba tháng thì có lệnh thuyền chuyển cả Đại Đội về Liên Trường Võ khoa Thủ-Đức. Về đây tôi nhận nhiệm vụ mới, được bổ sung cho Tiểu đội 1 Hành quân tuần tiểu ban ngày lẫn đêm, có khi đi phục kích giữ an ninh tại ấp Tân Phong, Đình Phong Phú, Bân Ông Thàn quanh khu vực quân trường để sinh viên sĩ quan đi huấn luyện chiến thuật ban đêm cũng như ban ngày, ở đây cũng nhàn rồi, chẳng có đánh đá đụng trận nào cả, một tháng sau Hạ sĩ quan hậu cứ đến phát lương tôi được lãnh một lần tám tháng lương, thời gian thụ huấn chưa lãnh. Trả hết nợ cho bạn bè, nợ quán của mấy mụ vợ lính bán quán cà phê sáng ăn uống thiếu ghi sổ, tiền còn lại đi may sắm áo quần sơ mi quần tây, sắm đồ dùng cá nhân, mua giày dép, mua khăn len, áo ấm để làm quà tặng cho gia đình. Mua giấy ca-rô bút máy về trại viết đơn gửi Đại đội trưởng xin được nghỉ phép thường niên 15 ngày, ông nhận đơn xét thấy sự thật hơn năm chưa được nghỉ phép, ông chấp thuận cấp phép, ra lệnh thư ký tiền trạm làm giấy phép trình lên Đại tá Chỉ huy trưởng Liên trường ký xong gọi trình diện đưa cho, cầm được tôi không quên lời cảm ơn Trung uý rồi chào ông trở về phòng nghỉ của binh sĩ, sung sướng vô cùng, mừng hơn là trúng số độc đắc, mang súng đạn quân trang gửi vào kho Tiền trạm, giả từ tạm biệt bạn bè, xách túi hành lý qua ga tàu lửa Thủ-Đức mua vé tàu đi Huế. Về phép lần thứ nhất trong đời đi làm lính, lại mới được truy lãnh tám tháng lương tha hồ mua sắm quà cáp về tặng gia đình cháu chắt. Năm nay về phép quê hương vẫn còn an ninh yên ổn đi lại thăm viếng bà con làng xóm khắp nơi chưa có cách mạng bắt bớ, đêm vẫn ngủ nhà với gia đình được. Dẫn bà xã đi Huế ra chợ Đông-Ba mua sắm quần áo vải đẹp, đổi lại đôi hoa tai cho bà xã hài lòng. Chung sống với gia đình 10 ngày qua mau quá, sắp hết phép, mẹ cũng sắm một mâm cỗ cho cha cúng ông bà tổ tiên phù hộ cho con và dâu ra đi được bình an mạnh khỏe, dùng bữa cơm gia đình nghỉ ngơi trò chuyện. Sáng ngày mai dắt vợ lên đường từ giả tất cả, trở về Đơn vị trình diện. Năm nay cha mẹ vẫn còn khỏe, ông 52 tuổi, bà 48 tuổi, nên tôi cũng yên lòng mà đi. Vợ chồng vào đến nơi trình diện trả giấy phép đúng hạn, báo cho Đại đội trưởng có mang theo vợ. Ông ra lệnh cho Thường vụ sắp xếp nơi ăn chốn ở tại Khu gia binh Liên trường. Ở đây vợ tôi chỉ đi chợ nấu cơm hai đứa ăn với nhau, những ngày tôi được đổi ca nghỉ ở nhà, còn khi đi công tác bên ngoài thì bới cơm vào camen ba ngăn đầy nắp rang dây thun kỹ gửi cho xe GMC đưa cơm hàng ngày của quân trường ngày hai lần trưa và chiều. Thời gian cứ trôi đi trôi đi sự việc cứ diễn biến như thường lệ, vợ chồng tôi sống với nhau được sáu tháng, thì bụng bầu vợ đã thấy bự, tôi khuyên bà xã nên về quê sinh nở để nhờ Bà ngoại lo cho một đứa con đầu lòng. Vợ đồng ý về quê, tôi đưa qua ga Thủ-Đức mua

vé ra tàu về quê.

Tôi trở lui về đơn vị công việc cũng như thường ngày, dạo này ăn cơm tháng vợ lính nấu, đến tháng lãnh lương trả tiền. Vào ngày 01.11.1963 Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm, tình hình chính trị lúc này rất rối ren, Quân Giải Phóng Miền Nam cũng lớn mạnh lên, Đại Đội được lệnh rời khỏi Liên trường Thủ-Đức, di chuyển về Trung-Lương Mỹ-Tho để thành lập Tiểu Đoàn 52 Biệt Động Quân. Đưa đi huấn luyện bổ túc tại Trung tâm huấn luyện Biệt Động Quân Trung-Hòa Củ-Hậu-Nghĩa. Thời gian huấn luyện tại đây cũng đụng nhiều trận với quân Giải phóng, ác liệt nhất trận Hồ Bò bị chết Cố vấn Mỹ, nhiều lính Biệt Động Quân chết và bị thương, bản thân tôi được bình yên vô sự. Sau ngày mãn khóa học cả Liên đoàn di chuyển về tại Mỹ-Tho.

Tiền trạm đóng tại chùa Ông, về đến đây Tiểu Đoàn nhận lệnh hành quân liên tục. Hành quân Tiểu khu Long-An vừa về đến trại, nhận lệnh hành quân Định-Tường vừa chấm dứt lại nhận lệnh hành quân Tiểu-khu Kiến-Hòa, cứ xây quanh như chong chóng, không có được một ngày nghỉ. Đi hành quân bằng sông lội rạch áo quần giày vớ lúc nào cũng dính đầy bùn lầy ẩm ướt thật là gian khổ không thể tưởng tượng. Khi bình thường còn nản chí, khi đụng trận lại càng bị đất hơn. Ban bè người bỏ mạng sa trường kẻ thương tích tàn phế, có đôi khi lội suốt từ sáng đến chiều tối bị đụng trận không được một hột cơm vào bụng đói muốn rã ruột. Cứ ngày đi đêm dừng nghỉ, hết xứ này đến nơi khác, cây cối rậm rạp, sông rạch chằng chịt, tôi cứ mang một túi xách cứu thương và khẩu súng Carbin lủi thủi đi theo đoàn quân tham dự các cuộc hành quân liên tục không trốn tránh một ngày nào.

Sau Tiểu đoàn dời Tiền trạm về đóng tại Long-An, Đơn vị cũng đi hành quân hai ba tháng mới về tiền trạm nghỉ được một hôm lại chuẩn bị đi tiếp. Cũng có một số binh sĩ không chịu đựng được gian nan nguy hiểm bỏ đào ngũ về đăng ký lính khác. Sáu anh em tân binh khóa của tôi được bổ sung về đơn vị 1962 người chết kẻ bị thương có một anh đào ngũ, chỉ còn lại một mình tôi là mạnh khỏe đang phục vụ Đại đội 4/52 Biệt Động Quân.

BÀI 5. MỘT TRẬN ĐÁNH NHỚ ĐỜI

Tôi tham dự một trận đánh nhớ đời tại Lương Hòa Thượng, thuộc huyện Đức-Hòa, Long-An. Vào 0700g không nhớ ngày, nằm trong thời gian tháng năm hoặc là tháng sáu năm 1964, Tiểu-đoàn muốn ghe của dân tại Lương-Hòa đưa hết binh sĩ của đơn vị qua bên kia sông Vàm Cỏ Đông, Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh cho tất cả bốn Đại đội, mỗi Đại đội một cánh quân di chuyển trong rẫy mía đường, song song theo con sông Vàm Cỏ về hướng tây huyện Đức-Hòa. Như mọi ngày tôi cũng mang một túi xách cứu thương đựng đầy những gói băng bó cá nhân để cấp cứu cho thương binh khi lâm trận, tay cầm khẩu súng Carbin lên đạn sẵn, đi theo Ban chỉ huy Trung Đội 1 Đại Đội 4, đơn vị di chuyển được một cây số thì nghe có tiếng súng AK trong các đám mía đường bắn ra, tôi trông thấy binh sĩ của Đại đội 1 đã có hai người bị thương y-tá đang băng bó, tiến xa một quãng nữa, thì nghe anh mang máy truyền-tin PRC 25 của Trung đội báo lại cho Trung đội trưởng, lệnh của Đại bàng cho biết cánh quân Đại đội 1 đang đụng độ rất nặng, đã có số binh sĩ bị thương và tử trận. Đơn vị chúng tôi đi cánh quân sát bờ sông, nhìn thấy trực thăng đáp xuống tản thương, Trung đội trưởng ra lệnh binh sĩ đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, tôi vừa đi theo ban chỉ huy Trung đội nhìn kỹ phía trước bên trái bên phải từ sáng đến gần trưa chẳng thấy một bóng dáng VC nào mà nổ súng cho phí đạn. Khi cánh quân cùng Ban Chỉ huy của Trung đội tôi tiến đến sát con rạch nằm chặn ngang phía trước mặt. Tại tôi nghe một phát súng bên kia rạch bắn qua rất gần, trúng phải đầu anh lính mang máy truyền tin Trung đội vớ sọ ngã nhào chết liền tại chỗ, tôi thấy đã chết nên không băng bó, ông Trung đội trưởng, cấp bậc Chuẩn úy mới về đơn vị mang khẩu súng Colt 45 đầu đội mũ nâu đi góc ngách bị một phát súng, đạn xuyên qua trước trán hơi sâu, té ngựa máu ra đầm đìa, tôi chạy lại bên ông ngồi xuống xé băng để bó vết thương cho ông ấy, tại tôi nghe bôm một cái sát mé rạch gần chỗ tôi đang ngồi, nổ ầm lên một tiếng điếc cả tai bùn nước khói bắn lên tung toé phủ cả một vùng, tôi tưởng là đã chết theo các bạn rồi, khi hoàn hồn nghe đầu gối hơi đau nhói, biết mình mới bị thương chưa chết vẫn còn đi cà nhót được, tôi di lùi về phía sau gặp được TS1 Hớn tôi cho anh hay, anh lính truyền tin đã chết, Trung đội trưởng có lẽ cũng chết vì đã bị thương thủng trán quá nặng. TS1 Hớn là Trung đội phó từ lâu sống chung trong ban Chỉ huy Trung đội bạn chơi

thân với nhau, ông ấy choàng vai tôi dìu lui phía sau cả hai trăm mét thì thấy một số binh sĩ bị thương và tử trận được cứu ra khỏi làn đạn giao chiến, nằm ngổn ngang liệt chờ trực thăng cứu thương đến di tản, tôi ngồi xuống đây với anh em tự tay băng bó rịt lại vết thương cho kỹ, cỡ năm phút nghe có tiếng trực thăng đến bốc hết số binh sĩ bị thương và tử trận rồi cất cánh bay lên ra khỏi trận địa, từ đây tôi mới hứ hồn thở phào một cái nhẹ nhõm, biết chắc mình đã được bạn bè cứu mạng. Về đến Tổng Y Viện Cộng hòa Saigon, đầu gối của tôi bị sưng to nhức nhối không thể đi lại được nữa y-tá đưa vào phòng mổ, Bác sĩ gây mê mổ lấy mảnh đạn trên đầu gối ra để nằm trong phòng lạnh một đêm, ngày sau đưa ra ngoài điều trị được ba ngày thì bó bột từ bắp đùi cho đến bàn chân, thế là cái chân phải của tôi to tướng, trắng lớp, nặng trĩu, ngay chò, chẳng duỗi ra co vào được nữa, bệnh viện cho ký nhận một cặp tó để chống nạnh di chuyển khi cần, nằm tại đây được năm ngày sau có một số anh em bạn lính cùng đơn vị chơi thân với nhau, họ được may mắn sống sót mạnh khỏe bình an, rủ nhau sáu anh em đến thăm tôi tại bệnh viện, họ kể chuyện lại cho tôi nghe, trực thăng tải thương chuyển của mấy là cuối cùng.

Sau này VC xung phong đánh tan tành cả Tiểu đoàn, Bộ Chỉ huy Tiểu đoàn chết sạch, đứt liên lạc, các Đại đội bị thương và chết hết phân nửa, ai bị thương nhẹ chạy được may ra còn sống, ai bị thương nặng đi không được là chết hết, Trung đội trưởng, Tiểu đoàn trưởng đ794;5; 794;ai đi làm lính, không sớm thì muộn, chẳng ai cho ở nhà với vợ mãi được đâu. Tôi nhất quyết phải bỏ lại cha mẹ trường rồi, còn đâu nữa mà các bạn tới thăm. Mấy anh em chuyện trò qua lại gần một giờ đồng hồ, các bạn chúc tôi điều trị chóng bình phục rồi từ giả ra về, anh em cho hay số còn lại đang an dưỡng tại Quân đoàn III Biên-Hòa chờ bổ sung quân số.

Tôi nằm Bệnh viện Bác sĩ cho uống thuốc viên 10 ngày thì cho xuất Viện về điều trị tại gia 29 ngày tái khám. Về nhà xa quá trong khi người còn thương tích, về nhà sợ cha mẹ vợ con buồn. Hồi ấy Hậu trạm Tiểu đoàn vẫn còn ở Long-An, tôi được nhận giấy xuất viện về thẳng Hậu trạm trình diện nghỉ ngơi tại đây cho đến ngày tái khám nhập viện lại, Bác sĩ cho cắt bột vết thương cũng lành, nhưng chân vẫn còn ngay chò, chưa co vào duỗi ra được, Bác sĩ cho nghỉ tiếp 29 ngày nữa để tập thể dục cho cái chân trở lại bình thường mới đi làm việc. Tôi nhận được giấy xuất viện lần thứ hai cũng được nghỉ dài ngày, mừng quá về lại đơn vị xin đổi giấy phép nghỉ tại gia. Lúc này mặc áo quần thường dân đi xe khách về Huế, lần này về làng Ấp chiến lược đã bị phá huỷ tan tành, ban ngày thì của quốc gia, ban đêm của Cách mạng, chỉ viếng về nhà ban ngày một vài tiếng đồng hồ thăm cha mẹ vợ và các em rồi vào Lăng-Cổ ở lại nhà bác cho đến ngày hết phép từ giả ra đi. Vào đến Long-An đi vô doanh trại thấy trống rỗng chẳng còn ai, hỏi ra mới biết Tiền trạm và gia đình binh sĩ đã di chuyển hết về Biên-Hòa.

BÀI 6. PHỤC VỤ HẬU CỨ & TIỀN CỨ HẠ SĨ QUAN, QUẢN TRỊ QUÂN SỐ & TIẾP LIỆU

Hết phép dưỡng bệnh tại gia, trở vào đơn vị, thì đã di chuyển hết về Biên-Hòa, thời ấy tôi chẳng biết Biên-Hòa ở nơi đâu cả, chỉ nhớ lại mang máng trong đầu óc sáu tỉnh Miền Đông Nam Bộ, có lẽ giáp ranh giới gần Saigon.

Suy nghĩ một lát nếu đi Saigon Biên-Hòa thì xa lắm, phần nữa xa lạ chưa rành, đường xá biết đâu mà tìm. Tôi quyết định trở lại Mỹ-Tho trình diện hậu cứ Hạ sĩ quan quân số & và Tiếp liệu Đại đội ở bên cạnh Đại đội 32 Hành chánh quản trị Tiếp liệu Biệt động quân.

Thời gian ấy TSI Trần giữ chức vụ này, ông ấy bảo tôi ở đây làm việc, khi nào có chuyển liên lạc, tao sẽ gọi mày ra trình diện Đơn vị, ông ấy bày việc cho mà làm, ông mở kho chỉ vào một đồng súng ống ngoài chiến trận đưa về đủ loại bùn bắm rỉ rết, chưa lau chùi vào dầu mỡ để bảo trì quân dụng, ông bảo tôi làm việc này.

Tôi nghĩ ăn lương thì phải làm việc, mà làm việc này chẳng phải nặng nhọc gì, tôi ước ao được làm việc này vĩnh viễn thì cũng chẳng cực khổ gì, còn nhàn hơn một ngàn lần theo Đơn vị đi hành quân. Tôi cặm cụi tháo ra từng loại súng chùi rửa sạch sẽ, vô dầu mỡ sắp xếp lại ngăn nắp theo vị trí đâu vào đấy, ông ấy thấy tôi làm việc nhiệt tình rất hài lòng, tôi làm hai ngày thì hoàn tất đâu vào đấy, ông lại giao cho việc khác, ông hỏi tôi mày biết viết chữ không ? Tôi trả lời dạ thưa TS em viết được, ông đưa cho một tờ giấy mẫu Q.T.T và một bản danh sách Đơn vị, ông bảo viết hết danh sách từ trên xuống dưới vào đây để làm phiếu gọi xin cấp quân trang (áo quần).

Tuổi còn trẻ mắt sáng tay viết chữ còn mềm mại sắc sảo, ngồi vào bàn viết nghiêm túc, nắn nót nét chữ rõ ràng ngay thẳng đẹp đẽ, ông nhận xét nét chữ của tôi viết và sự làm việc nhiệt tình tận tụy, ông rất mến giữ lại phục vụ hậu cứ với ông hai tháng tại Mỹ-Tho.

Ban ngày ông giao công việc cho làm, đêm nghỉ tự do, tôi mượn phòng trọ bên ngoài, ban đêm đi chơi tôi thấy trong thành phố có lớp dạy đánh máy chữ, tôi xin đăng ký học một khoá hai tháng, phải trả tiền trước hai phần mới thu nhận vào học, tôi chấp nhận đóng tiền để học, tôi học một tháng mười lăm ngày, đã sử dụng máy thành thạo, thao tác đánh máy mười ngón tay, cách thức trình bày văn bản phải cân đối theo khổ giấy. Đêm đi học đánh máy chữ hết giờ về nghỉ nhà trọ bên ngoài, ngày vào hậu cứ làm việc như thường lệ, hôm nay là ngày báo cáo quân số định kỳ bằng danh sách, anh lính thư ký vắng mặt. Xếp hỏi tôi lâu nay đi học đánh máy chữ đã đánh được chưa? Tôi trả lời: dạ thưa em cũng đánh tạm được nhưng còn chậm, ông nói thì cứ thư thả mà làm cho đàng hoàng là được.

Ông đưa cho một tờ mẫu với quyển sổ kiểm danh, bắt lột ba tờ giấy đánh thành ba bản. Tôi thư thả đánh cẩn thận, trình bày cân đối đẹp đẽ, làm hoàn chỉnh trình lên cho ông xem ký tên đóng dấu để gửi đi, xếp rất hài lòng và khen ngợi. Ông giữ tôi lại giúp việc hậu cứ được hai tháng thì có lệnh của Đơn vị trưởng bảo ông phải gửi sổ binh sĩ xuất viện hết thời gian nghỉ dưỡng bệnh ra hành quân.

Vì cấp số của mỗi Đại đội làm việc hậu cứ chỉ được ba người: một hạ sĩ quan, hai binh sĩ, chức vụ HSQ/QSTL thư ký đánh máy chữ, tài xế, thêm tôi là thắng dư, anh thư ký đang làm việc quan liêu, ỷ lại, ham đi chơi, bỏ việc làm, thiếu trách nhiệm, vô kỷ luật. Nên ông không dùng nữa, ông ra lệnh cho tôi trang bị súng đạn như tất cả các anh em khác hết hạn nghỉ bệnh phải ra hành quân. Ông giữ tôi lại làm việc hậu cứ. Viết thư cho Đơn vị trưởng trình bày lý do thay đổi nhân viên văn phòng hậu cứ, cũng được Đơn vị trưởng chấp thuận.

Từ đây tôi được chính thức cơ hữu của văn phòng Quân số Tiếp liệu Đại đội 4/52/BĐQ.

Bà xã và con gái đang ở với cha mẹ tôi tại quê nhà, có bà chị dâu vợ ông anh họ rủ nhau vào Nam tìm chồng, bà chị vào Thủ-Đức gặp chồng, còn bà xã tôi thì bơ vơ, đường sá xa lạ đất rộng bao la, chẳng biết chồng đang hành quân nơi đâu mà tìm, ở tam với anh chị mấy ngày sau, ông anh cũng lạnh lẽo đi tìm hỏi tới Biên-Hòa, Đơn vị cho biết tôi đang làm việc tại hậu cứ Định-Tường Mỹ-Tho, ông xin địa chỉ đi đánh điện tín về hậu cứ, Xếp tôi nhận được nói cho tôi biết, ông bảo viết Sự vụ lệnh ông ký cho mà đi rước vợ con về (cột lý do công tác: Liên lạc đơn vị hành quân Thủ-Đức)

Tôi cầm Sự vụ lệnh mặc áo quần dân sự đón xe ca đi Saigon, sang xe về Thủ-Đức gặp vợ con rước về Mỹ-Tho mượn nhà trọ ở với nhau, từ nay gia đình có 3 người mới sum họp, vợ chồng ở tại đây được năm tháng.

Đầu năm 1965 Đại đội 32/ Hành chánh/Tiếp liệu được lệnh giải thể, sáp nhập Đại đội 31/HCTL/BĐQ Thủ-Đức.

Hậu cứ Tiểu đoàn và các Đại đội cũng di chuyển về Thủ-Đức, vợ con cũng đưa về đây mượn nhà trọ ở.

Ông TSI Trần được thăng cấp Thượng sĩ Tiểu đoàn trưởng bổ nhiệm chức vụ khác Quyền Sĩ quan Hoả thực của Tiểu đoàn, TS Sóa thư ký tiền trạm Đại đội thay thế Hạ sĩ quan quân số Tiếp liệu Đại đội 4.

Tôi vẫn tiếp tục làm thư ký Đại đội, đợt này tôi cũng được thăng Hạ sĩ vừa được hai tháng thì thay đổi Đại đội trưởng mới về thay thế Đại đội trưởng cũ đi nơi khác. Ông này đưa đệ tử vào làm thư ký Văn phòng Đại đội thay tôi ra ngoài Đơn vị hành quân làm thư ký quân số tiền trạm, đơn vị đang đồn trú tại Quân đoàn III Biên-Hòa.

Công tác của tôi hàng ngày vào buổi sáng Đơn vị tập họp xong báo cáo quân số lên Tiểu đoàn, hàng tuần lãnh lương thực, thực phẩm phân phối cho Đại đội, mỗi tháng nhận hàng Quân tiếp vụ phân phối cho binh sĩ đơn vị ghi chép rành mạch để trừ vào dịp lĩnh lương hàng tháng hoàn tiền lại cho cửa hàng.

Công tác này tôi làm tốt chẳng có gì khó lòng.

Cuối năm 1965 Tiểu đoàn đã được bổ sung đầy đủ quân số đưa đi huấn luyện bổ túc lần thứ hai tại Trung tâm Huấn luyện Biệt động quân Trung-Hòa Củ-Chi, Hậu-Nghĩa. Tôi cũng đi theo Tiểu đoàn, dạo này đến đây nhìn thấy pháo binh của Mỹ và xe Thiết giáp đóng chung quanh Trung Tâm rất đông. Trung tâm cũng bị VC pháo kích liên miên, phía Mỹ cũng phản pháo bằng đại bác

hạng nặng 175 ly cài trên xe thiết giáp bắn liên tục 24/24 vào hướng mặt khu cách mạng Hồ Bò và địa đạo Củ-Chi.

Kỳ này quân giải phóng lớn mạnh lấn chiếm bao vây thu hẹp tầm hoạt động của Trung tâm, nên Tiểu đoàn chỉ học chiến thuật quanh quần gần hai bên hàng rào, không dám hành quân ra xa bên ngoài như lần trước. Khi mãn khóa học này Trung tâm cũng có huấn luyện cho tân binh được giải thể cuối năm 1967. Tiểu đoàn được đưa về Long-Khánh, căn cứ tiền trạm đóng trên chóp đồi Tân Phong Xuân-Lộc, hoạt động ba tỉnh Long-Khánh Bà-Rịa, Bình-Tuy.

Tôi ở làm việc với Tiền trạm Tiểu đoàn được thăng Hạ sĩ I. Đến mùa xuân 1968, Tiểu đoàn được điều về giữ Saigon đi hành quân ven đô. Ban Quân số Tiếp liệu Tiền trạm Tiểu đoàn đóng dưới móng cầu Saigon tôi cũng theo tiền trạm làm việc tại đây.

Tháng 12/1967 Đại đội 31 Hành chánh Tiếp liệu/Biệt Động quân dời căn cứ Thủ-Đức về căn cứ Long-Bình Mỹ rút bàn giao lại tại Thanh-Hóa Hồ-Nai, thuộc khu vực trại gà bây giờ, để thành lập Liên đoàn 3 Biệt động quân. Hậu cứ Liên đoàn và 3 Tiểu đoàn trực thuộc đóng tại đây.

Thời gian đơn vị hành quân chung quanh Saigon tôi làm đơn xin theo học khoá quản trị tiếp liệu, được cấp trên chấp thuận. Bộ Chỉ huy 3 Tiếp vận căn cứ tại trại Lê Văn Duyệt Saigon gọi tôi trình diện khai giảng khóa học này, khóa sinh theo học đủ các quân binh chủng 120 người học ba tháng thì mãn khóa, tôi được tốt nghiệp xếp hạng 45/118 bị đánh rớt hai anh không đủ điểm trung bình. Mãn khóa học nhận Sự Vụ lệnh trở về đơn vị cũ.

Qua năm 1969 được đủ điều kiện thăng cấp bậc Trung sĩ cũng làm nhiệm vụ Hạ sĩ quan tiền trạm.

Năm 1970 Tiểu đoàn được lệnh đi huấn luyện bổ túc lần thứ 3, lúc này Trung tâm huấn luyện Trung-Hòa đã giải thể, Cách mạng chiếm. Tiểu đoàn phải chuyển ra Trung tâm Dục-Mỹ Nha Trang để huấn luyện. Toàn thể Tiền trạm Hậu cứ đều phải đi huấn luyện hết.

Khi gần ngày mãn khóa có một anh lính già nhậu rượu để say khướt nằm ngủ giữa trời không căng bông sô che sương đêm khuya lạnh cóng anh ta thả hồn theo gió, chết cứng ngắc chẳng có ai biết, sáng ra khi anh em thức dậy đi làm vệ sinh cá nhân để chuẩn bị tập hợp mới phát hiện.

Tiểu đoàn cấp Sự vụ lệnh cho tôi và một Tiểu đội chở xác anh lính chết vào nhà xác quân khu Nha-Trang để tẩm liệm xin máy bay đưa về Saigon. Khi chưa tẩm liệm đang để trong nhà xác, Tiểu đội đi theo có nhiệm vụ ăn mặc chỉnh tề cầm súng đứng canh giữ xác chết, khi được tẩm liệm bỏ vào quan tài hai lớp phía trong có bọc kẽm hàn kỹ đóng nắp thật chặt, xong xe đưa quan tài ra phi trường, thì Tiểu đội đi theo canh gác trở về lại Quân trường Dục-Mỹ.

Lúc này tôi ngồi trong phòng trực phi trường của không quân Nha-Trang chờ đợi máy bay đến chở quan tài, ba anh lính Không quân trực sân bay bỏ ra bộ bài binh xập xám ăn tiền, rủ tôi chơi một tay, tôi cũng vui vẻ nhận lời ngồi vào bàn, cầm bộ bài xáo trộn đều đặn rồi để xuống một anh thò tay vào cân, một anh cầm bài lên chia mỗi người một con, ai lớn được làm cái ván đầu, phần tôi lật lên con ách tôi được làm cái, cầm hết bài lên trộn đều để xuống cho các anh ấy cân, tôi nhập bài lại chia xong, bắt bài lên binh, bài lớn dễ binh nên tôi binh nhanh bỏ xuống, còn ba anh bài xấu nên binh lâu, chờ cho các anh bỏ xuống hết, bắt đầu tôi xét từ trái qua phải, thấy bài cả ba anh đều thua, tôi gom tiền hết, đặt tiền lại, tới phiên anh kể tôi làm cái, chia bài xong bắt lên tôi thấy mậu binh bỏ xuống ngồi nhìn các anh binh xong chung tiền cho tôi trúng lần hai, thừa thắng lấy gậy ông đập lưng ông, tôi đặt hết tiền đã ăn được, nếu có thua thì tiền của các anh mình trả lại, thế mà bài cứ đỏ ăn liền năm sáu ván ba anh ấy thua sạch tay. Thì gặp dịp máy bay vừa đến, tôi xin phép nghỉ ra phi trường lên máy bay, ba anh không quân nhìn theo tôi mà lòng thất vọng, tôi nghe một anh thốt lên rằng : ba đứa mình bị cộp vô, vì huy hiệu Biệt động quân có may đầu cộp bên cánh tay trái. Tôi lên máy bay cất cánh ngồi nhớ lại thấy cũng diệu kỳ, binh thường tôi cũng có binh xập xám nho nhỏ cón con chơi giải trí, nhưng ít khi được ăn ai, vì binh chậm thấp không biết gian lận, nên ăn thì ít thua thì nhiều.

Hôm nay đi chuyển công tác áp tải quan tài về quê của người bạn tử sĩ sao mà hên quá, vớ được một số tiền bài xập xám tại Nha-Trang về nhà tha hồ uống bia với các bạn. Tôi nghĩ vong hồn của anh lính này linh thiêng phù hộ cho tôi được bình an hoàn thành nhiệm vụ và được phát tài. Máy bay về hạ cánh tại phi trường Tân Sơn Nhất thì đã có xe GMC đợi sẵn, đưa quan tài lên chở thẳng về gia đình của anh ấy, mặc dầu thân nhân của họ đã qua đời, cũng hỏi qua nguyên nhân cái chết, tôi kể sự thật gia đình cảm ơn rồi rít.

Tôi thay mặt Đơn vị và anh em bạn bè nói đôi lời phân ưu với thân nhân tử sĩ, trao số tiền Đơn vị quyên góp phúng điếu, báo cho tang gia biết mai táng xong xuôi đến hậu cứ tôi hướng dẫn nạp hồ sơ lãnh tiền tử. Tôi từ tạ lên xe về hậu cứ Hồ Nai với gia đình.

Cách tuần lễ sau Tiểu đoàn cũng mãn khóa về đến. Ông Tiểu đoàn trưởng này mới nhậm chức trước ngày Tiểu đoàn đi thụ huấn bổ túc, ông củng cố hệ thống tổ chức của Tiểu đoàn, sắp xếp lại các ban ngành, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo chỉ huy, cán bộ chuyên môn làm việc hậu cứ theo khả năng thích hợp đúng ngành nghề, thay thế những người không có chuyên môn đưa ra hành quân. Tôi cấp bậc TS I có bằng chuyên môn Tiếp liệu, được bổ nhiệm chức vụ Hạ sĩ quan quân số Tiếp liệu Đại đội 4/52/BĐQ, thay thế TSI Soa giữ chức vụ khác, tôi nhận chức vụ này đầu năm 1970.

Tiểu đoàn được lệnh hành quân sang Campuchia, xáp trận liên tục, bị tổn thất nhân mạng, quân trang quân dụng, văn phòng hậu cứ phải làm hồ sơ báo cáo tổn thất để xin bồi hoàn bổ sung cho đơn vị. Lúc này hậu cứ cũng làm việc rất căng, làm không kịp thời kịp lệnh bị Sĩ quan chỉ huy hậu cứ chửi, ngoài tiền tuyến cần những món quân dụng gọi điện về chưa có gửi ra kịp cũng chửi. Nhưng được làm việc tại hậu cứ, khỏi phải đi hành quân gian khổ, thỉnh thoảng máy bay trực thăng đưa đi tiếp tế quân trang quân dụng phát lương bổng cho binh sĩ một vài hôm là đưa về hậu cứ làm việc.

Cuối năm 1971 Liên đoàn rút khỏi Campuchia về đóng tại Bình-Long An-Lộc. Năm 1972, năm gọi là mùa hè đỏ lửa, lâm một trận lớn san bằng bình địa tỉnh Bình-Long An-Lộc thành một đồng gạch vụn. Hậu cứ không tiếp tế không liên lạc, thời gian hơn hai tháng, chỉ có máy bay C.130 của Mỹ chở lương thực đạn dược tiếp tế bằng cách thả dù, dù rơi đúng vị trí thì quân bạn lấy dùng, dù bay lạc hướng ra ngoài thì chịu thua, ai xài cũng được. Trận này trung gian mà nói đôi bên bạn địch đều tổn thất nặng nề. Phía Giải phóng chỉ chiếm thêm một ít từ Lộc-Ninh trở về An-Lộc. Khu vực thành phố Bình-Long An-Lộc Liên đoàn 3/BĐQ còn tử thủ được. Sau thời gian mới chịu bỏ đi tản về huyện Chơn-Thành, Bến-Cát, Bình-Dương.

Đầu năm 1973 tôi bị đưa đi học khóa tu nghiệp Hạ sĩ quan tại Trung tâm huấn luyện Quang-Trung, khóa này chẳng có thăng quan tiến chức gì cả, thêm tổn công tổn tiền, bỏ một vợ và năm đứa con sống trong trại gia binh nheo nhóc, vợ một mình chăm con không kỹ để chết một thằng con trai vừa tròn một tuổi, tôi đang thụ huấn tại trung tâm, được tin báo, nóng ruột trốn trại đi về Hồ-Nai lo chôn cất con xong xuôi trở lại trình diện, bị ban an ninh của trung tâm gọi lên điều tra xét hỏi, tôi cũng trình bày hoàn cảnh sự thật, các xếp cứ bắt bẻ bảo sao không làm đơn xin phép, tôi trả lời thẳng thắn, nếu tôi làm đơn lên Thiếu tướng Chỉ huy trưởng ký được giấy phép chắc con tôi đã thối vữa ra nước. Nếu các xếp không tin lời khai của tôi cứ điện về đơn vị của tôi mà hỏi thì rõ hư thật. Sau khi các xếp xác nhận đúng cũng khoan hồng cho tôi không phải bị phạt, tôi tiếp tục tham dự khóa học cho đến ngày mãn khóa trả về đơn vị cũ, tôi cũng được phục hồi lại chức vụ hiện hành.

Đầu năm 1975 Liên đoàn thất thủ căn cứ Chơn-Thành, Bến-Cát, ban đêm cho lệnh di tản về Lai-Khê Bình-Dương, binh sĩ bị xáp trận với quân Giải phóng bỏ xác rải rác trong rừng, số bị thương cũng chẳng được cứu chữa, tản thương, một số bị quân Giải phóng bắt làm tù binh gần muốn hết, còn lại một ít may mắn sống sót chạy về hậu cứ mình trần thân trụi, trình diện hậu cứ cái xác không hồn.

Đơn vị xin bổ sung thêm một số lao-công đào binh mới ân xá, một số quân dịch mới ra trường, cả cũ lẫn mới tập hợp cả liên đoàn quân số chưa được một Tiểu đoàn, lệnh cấp trên cho thay đổi toàn bộ phận chỉ huy Liên đoàn. Liên đoàn trưởng mới về nhậm chức ra lệnh cho hậu cứ trang bị lại quân trang quân dụng vũ khí cá nhân tập thể đầy đủ. Tập hợp đưa đến sân bay Biên-Hòa. Máy bay C130 chở ra đổ hết xuống Phan-Rang để làm lá chắn được một ngày thì bị tan rã.

Thấy Đại úy sĩ quan Ban 3 của Tiểu đoàn 52/BĐQ và một số binh sĩ cũng chạy về mình không trình diện hậu cứ, thế là toàn bộ phận lính chiến đấu của Liên đoàn 3/BĐQ đã bị quân Giải phóng xóa tên lần cuối cùng tại Phan-Rang.

Hậu cứ Liên đoàn và ba Tiểu đoàn trực thuộc vẫn còn làm việc như cũ, ai làm việc gì cứ làm việc ấy, lúc này rất khẩn bất bi thãm. Nhân viên hậu cứ chúng tôi phải làm việc 24/24 giờ, quân Giải phóng sắp đến bên lưng.

Ông Trung úy Mẫn Chỉ huy hậu cứ phát diên lên ngày nào cũng nhậu say túy lúy, chửi anh em

làm việc hậu cứ như tát nước vào mặt, ông hối thúc phải làm nhanh các hồ sơ khai báo tổn thất gửi đi, để xin bồi hoàn kịp thời, quân số, quân trang, quân dụng, lương thực, hướng dẫn làm hồ sơ cho thân nhân binh sĩ chết mất tích lãnh tiền càng sớm càng tốt. Vì có ba đầu sáu tay cũng chẳng tài nào làm kịp.

Một phần vợ con gia đình của lính tử trận, mất tích đến hậu cứ khóc lóc om sòm, đòi lãnh tiền tử. Thân nhân tử sĩ họ cũng nghĩ rằng : quân giải phóng đến chiếm căn cứ thì còn đâu mà lãnh, nên họ khóc lóc la lối, có đôi người nóng nảy chửi bới cũng phải cắn răng mà chịu đựng.

Đến giờ nghỉ đi ăn cơm đạp xe về trại gia binh nhìn thấy bà xã bụng thì bự gần ngày sinh, bốn đứa con đại khờ, ba đứa mạnh khỏe, một đứa bé nhất ốm nặng, chỉ mua thuốc viên về tán ra cho uống, bà xã một mình không thể nào đưa con đi bệnh viện được, đưa đi thì bỏ nhà bỏ ba đứa con lại không ai nấu cơm nước cho tôi về ăn để đi làm. Đến giờ nghỉ về ăn cơm nhìn con càng ngày càng ốm nặng ra, người nó teo lại như con tép, cặp mắt lơ lơ. Thở thom thóp không ra hơi, tôi thương con quá muốn trào nước mắt. Tôi suy nghĩ một lát, quyết định việc nhà cần phải lo trước, việc nước lo sau, bằng mọi giá phải cứu con của mình đã, cứ mãi mê lo công vụ rủi con chết như thằng em nó nữa thì ân hận suốt đời.

Tôi trở vào hậu cứ gọi anh lính thư ký ra ngoài phòng làm việc căn dặn kỹ lưỡng, chỉ vẽ công việc ở nhà nên làm công việc gì trước sau, giao hết bộ chìa khoá kho tàng cho anh ấy giữ, tôi chẳng cần thiết gì nữa. Dẫn lại chỉ huy hậu cứ có hỏi đến tôi, anh cứ nói thật con tôi gần chết nên trốn ở nhà đem con đi bệnh viện.

Tôi chẳng cần phải xin phép thêm rắc rối, nếu xin lão già ấy chẳng cho mà còn chửi nữa thêm nhục. Đào nhiệm trốn về nhà ẵm con đi chữa bệnh tại Bệnh viện Tiểu khu Biên-Hòa, đến tới bệnh viện lúc 14g00 ngày 25/4/1975, được Bác sĩ khám tiếp nước biển cho uống thuốc con tôi hơi tỉnh lại, 14 giờ ngày 28/4/1975 quân giải phóng đã tiến đến Trà-Cổ Tân-Bắc, thuộc xã Bắc-Sơn bây giờ. Quân đoàn III và bệnh viện cũng được lệnh di tản. Tôi ẵm con leo lên xe Hồng thập tự chạy đến Saigon thì trời đã tối, xuống xe tại bệnh viện Trần ngọc Minh, bệnh viện này chỉ tiếp nhận thương binh, không nhận gia đình vợ con binh sĩ.

Tôi mượn xe xích lô máy chở cha con qua bệnh viện Nhi Đồng 2 xin cho con được nhập viện, được nằm tại đây đến 28, 29/4/75, rạng ngày 30/4/1975 tôi ngồi trên lầu 2 của bệnh viện nhìn xuống ngã sáu Saigon thấy đủ các lính quân binh chủng của chế độ cũ, áo giáp nón sắt súng đạn đầy đủ, súng to súng nhỏ có cả đại bác pháo binh 105 ly, xe pháo đầy ngã sáu, trong khoảng thời gian cỡ 9 hoặc 10 giờ sáng 30/4/1975 nghe radio trên đài phát thanh Sài gòn ông Dương Văn Minh kêu gọi anh em binh lính chế độ Sài gòn ngưng bắn, bàn giao súng đạn căn cứ đồn trại lại cho quân Giải phóng. Một lát sau tôi nhìn xuống thấy súng đạn xe pháo nằm la liệt hai bên lề đường, chẳng còn thấy một ông lính của chế độ cũ nữa. Chế độ Saigon cũ sập đổ hoàn toàn chấm dứt từ đây.

Quân Cách mạng thắng lợi thống nhất đất nước hai miền Nam Bắc.

Cuộc đời binh nghiệp của tôi cũng được chấm dứt từ đây. Trả hết món nợ tang bồng của thời trai trẻ.

Trót sinh ra phải có chi chi, Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu. (Nguyễn Công Trứ)

Trong thời gian 14 năm làm lính chế độ Saigon tôi đã bỏ ra 5.040 ngày, tỷ giá theo đô la 50.400 USD chẳng mua được danh vọng hay một tí tài sản vật chất gì cả, chỉ mua được cái nhục to tướng, góp công chế độ cũ gây ra bao nhiêu phiền hà cho đất nước. Chẳng có công, mà chỉ là mang lấy tội, kéo dài một cuộc chiến vô nghĩa, huynh đệ tương tàn. Mạng sống ngàn cân treo sợi tóc. Biết giữ lấy đạo làm người của Đức Khổng Phu Tử, ghi nhớ làm theo lời dặn dò của cha trước khi xa gia đình, nhờ có đức của cha mẹ, Ông bà Tổ tiên, Phật Trời phù hộ được còn sống sót đến ngày hôm nay.

Nhớ lại những ngày còn đi đánh trận bị thương rất nặng, nhờ anh em bạn bè cứu mạng nếu chậm một chút xíu nữa là đã bỏ mạng sa trường, bây giờ nghĩ lại mà rợn tóc gáy.

Chương IV : Chưa được làm phó thường dân

BÀI 7. NGƯỜI DÂN CHƯA ĐƯỢC THỪA NHẬN

Trước giờ phút đánh dấu bước ngoặt của lịch sử, chấm dứt thời kỳ đen tối, chuyển sang thời kỳ vinh quang sáng lạng của đất nước được độc lập.

Hai cha con của tôi còn ở trên lầu 2 bệnh viện Nhi đồng, con tôi nhờ ơn Bác sĩ cả hai nơi chữa trị nay đã được phục hồi sức khỏe. Trong giờ phút giao thời này, các Bác sĩ và y-tá làm việc trong bệnh viện cho các em nhi đồng đang điều trị và thân nhân thăm nuôi ra khỏi bệnh viện đóng chặt cửa khóa lại để bảo vệ cơ sở vật chất, phòng kẻ xấu thừa cơ hội vào cướp bóc phá tán.

Tôi hiểu rõ lời Bác sĩ và ý thức liền, ẵm bé Phú con tôi ra khỏi bệnh viện, cuốc bộ về nhà ông anh vợ tại Hòa-Hung ở bên cạnh Bộ chỉ huy Biệt động quân chế độ cũ. Thời gian này khoảng 11 giờ ngày 30/4/1975, tôi rất lo lắng cho vợ đang mang bầu gần ngày sinh đến đầy đủ với hai anh bạn lính cùng đơn vị họ đã bị thương xuất viện về nghỉ dưỡng bệnh tại trại gia binh, dắt dìu giúp đỡ gia đình tôi cùng chạy loạn, tìm đến nơi đến chốn bình yên vô sự.

Trước ngày giải phóng vợ tôi đã biết địa chỉ nhà của ông anh. Giờ đây hai vợ chồng bốn đứa con đã được sum họp, mừng mừng tủi tủi cứ ngồi yên trong nhà nhìn ra ngoài đường trông thấy một số người xấu bụng, tham lam chạy đi hôi của từng đoàn ngoài phố. Súng trẻ con cứ bắn nghịch họ cứ đi thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Thấy họ mang về hàng quân tiếp vụ quân đội Sài gòn. Nào là gạo đường sữa rượu bia thuốc lá, nước ngọt lẫn cả của cải thường dân họ sợ chết bỏ nhà trốn đi nước ngoài, tôi vô cùng chán nản chẳng ham muốn gì cả. Tôi nghĩ bụng đi làm lính 14 năm đã vào sinh ra tử mà không chết, chỉ có bị thương, dùng nên có lòng tham lam đi theo họ làm việc phi nghĩa, phi pháp xui xẻo bị tụi trẻ con bắn nghịch lạc đạn chết bỏ vợ con thì lãng xẹt. Ông anh cũng bảo bây giờ ngoài đường phố tình hình chưa ổn định, cô dựng cứ tạm ở lại đây một vài ngày chờ yên tiếng súng rồi hãy về, bây giờ mà về gấp là nguy hiểm, cũng chưa có xe nào dám chạy về Hồ-Nai đâu.

Tôi nghe lời anh chị ở lại ba hôm tình hình đã yên ổn, vợ chồng dắt dìu con cái đón xe về Hồ-Nai. Về đến nơi thấy anh chị em bạn lính ở cùng doanh trại họ đã trở về gần đầy đủ, vào căn nhà thấy cạy cửa đập khóa tanh bành, rinh hết đồ đạc trong nhà rỗng tuếch từ trước ra sau vợ vét sạch sẽ, chẳng còn cái gì đáng giá một xu. Gia tài sản nghiệp của tôi lúc này chỉ còn được mẹ vợ bốn đứa con thơ dại. Anh chị em cùng ở chung trong trại ai có bà con gia đình ở gần, họ cũng mượn xe chở đồ đạc về quê sinh sống, dần dần họ từ giả đi gần muốn hết. Chỉ còn lại gia đình của tôi và Hai Cưu quê hương quá xa tại Đà-Nẵng và Huế chẳng đủ tiền bao nổi chuyến xe để về quê, nên còn nấn ná ở tại đây.

Vợ chồng bàn bạc khi sinh nở xong tìm cách về làng sinh sống cùng cha mẹ và quê hương. Cứ ở lì tại trại được 10 ngày thì quân giải phóng đến tiếp thu khu vực quân sự đuổi ra khỏi trại, tôi dắt dìu vợ con ra đến gia đình bác Hạp xin trú ngụ tạm ít hôm để che mưa nắng cho vợ con tạm thời rồi sẽ lo liệu. Hồi đó gia đình của bác có một căn nhà tranh vách đất lụp xụp kê được hai chiếc giường để cho vợ lính mượn ở, bây giờ đang bỏ trống, Bác cho ở nhờ chẳng phải thuê mượn gì. Hai Cưu thấy tôi còn ở đây cũng mượn của bác Cương anh bác Hạp mấy mét vuông đất để che tạm một cái lều nhỏ xíu kê được chiếc giường để ở tạm rồi đi kiếm việc làm ăn, quen biết ông Chuẩn xin được đất mới dỡ lều ra Tây-Lạc.

Thời gian gia đình tôi tá túc tại căn lều Bác Hạp để đợi vợ sinh xong về quê chẳng biết có việc gì mà đi làm, thất nghiệp ngồi nhà ăn không cả một tháng, gia đình lớn nhỏ có sáu người mà kéo dài không làm gì có thu nhập, ngồi không mà ăn thì sông cũng cạn núi cũng mòn, cả nhà sắp chết đói đến nơi. Khi vợ đến ngày sinh bé Phúc đưa đến trạm xá Bùi-Chu nhờ cô Huê giúp đỡ chẳng phải tốn kém, vợ sinh phải ở nhà nuôi để giặt giũ, vì lúc ấy con còn bé chưa nhờ được. Sau một tháng nữa vợ tròn con vuông được khỏe mạnh cứng cáp, giao cho bà xã ở nhà coi con nấu nướng mà ăn, tôi theo Hai Cưu đi tìm việc làm, cuộc cỏ tranh cho bà Quan một ngày được 500\$ bạc của chế độ cũ, mua được ký gạo đủ cho một mình, nhưng vẫn đi làm với nhau vô lễ ngồi nhà hoài, đi vào sâu trong rẫy trong đồng ruộng mới thấy công ăn việc làm của bà con, anh em đổi ý về quê, rủ nhau đến Trưởng Ấp xin đăng ký tạm trú.

Vợ chồng cũng bàn lại bỏ ý định về quê. Bây giờ mà mình mang một bầy con lóc nhóc về chỉ báo đời cha mẹ đôi bên, bây giờ thì cha mẹ đã già yếu kinh tế khó khăn, có một điều nữa xấu

hồ với bạn bè làng xóm. Tôi mang sổ gia đình và giấy căn cước của hai vợ chồng đến Văn phòng Ấp Bùi-Chu nộp hết cho Ấp xin được đăng ký nhập cư thường trú, ông Thận làm Phó ấp trực tại Văn phòng nhận hồ sơ cho được tạm trú để đi lao động nuôi con, được yên chí nhận nơi này làm quê hương thứ hai để sinh sống. Vợ mới sinh còn yếu chưa đi làm được ở nhà chăm bầy con dại năm đứa. Tôi phải đi tìm việc làm thuê cuốc mướn để kiếm tí tiền mua gạo sống qua ngày, ngày nào tìm không có việc thì bé Quang với tôi hai cha con đi mò mẫm trong Long-Bình Cầu Cháy để đem về ăn độn, ngày nào cũng phải đi lao động không việc này thì kiếm việc khác làm để có lương thực nuôi con. Thời ấy người ta thường nói lao động là vinh quang, bây giờ tôi suy nghĩ kỹ mới thấy câu văn hay và đúng lý.

BÀI 8. TỪ NGÀY ĐƯỢC NHẬP HỘ KHẨU, ĐƯỢC HỌC CẢI TẠO TẠI ĐỊA PHƯƠNG.

Tôi làm lính 14 năm mới bò lên cấp bậc Trung sĩ I chức vụ Hạ sĩ quan Quân số Tiếp liệu Đại đội 4/52 Biệt động quân, nên cách mạng cũng khoan hồng gọi tập trung cải tạo tại địa phương, vì Ấp Bùi-chu đông nguy quân nguy quyền, mà cán bộ quản giáo chỉ có hai ông Trung uý bộ đội, nên phải chia ra làm ba bốn ca, cải tạo từng đợt ca một cải tạo một tuần, cho về đi lao động làm ăn, đến ca hai, rồi đến ca ba luân lưu tuần tự cho đến hết chương trình thì cho nghỉ.

Sau thời gian cải tạo có quyết định được phục hồi quyền công dân.

Hôm nay tôi mới được chính thức làm phó thường dân Nam bộ.

Thất nghiệp vô tài bất tướng chẳng có nghề nghiệp chuyên môn gì, chỉ biết đi làm thợ đục, đục việc gì cũng làm, có tiền công là được. Có thời gian đi bốc xếp gỗ cho bộ đội, sáng bới một lon gạo ra đường lộ chờ đợi xe, có ngày đợi hoài không thấy, mất toi cơm một ngày về không, có bữa chỉ vào đến rừng, cưa máy bị hư hỏng không làm được lại về không mất công chẳng được gì. Thấy công việc làm rừng này khó ăn tiền, nghỉ đi nghề rừng, về tìm việc nghề nông làm mướn tuy ít tiền công hơn nhưng dễ kiếm việc thường hơn.

Đồ nghề nông cụ của tôi chỉ vốn vẹn có hai chiếc, một cái mã tấu, một cái xẻng cá nhân của Mỹ, tôi lấy trong kho khi còn làm lính, để vợ chẻ củi và dọn cỏ chung quanh nhà trại gia binh. Khi đi chặt mướn mía đường thì mang theo mã tấu, xẻng gấp tháo bỏ cán ngắn thay thế cái cán dài để cuốc đất mướn, mỗi ngày công chỉ được 500\$ tiền chế đôi cũ, mua được một ký gạo, có đôi lúc mua không có gạo, thì mua bo bo về nấu ăn cũng ngon lành.

Chiếc mã tấu dùng đi chặt cây làm nhà ở và phá rừng làm rẫy. Đã quyết định chọn ấp Bùi-chu làm quê hương thứ hai thì phải kiếm miếng đất cất cái lều nhỏ để gia đình trú ngụ che mưa che nắng không lẽ ở nhờ ở đậu mãi như thế này coi sao được. Lúc này anh em cựu lính rủ nhau đi làm mướn, gặp anh Vầy hỏi thăm khu vực của anh ở có còn chỗ nào chỉ cho tôi cất cái lều ở với cho vui, anh trả lời cứ vào nhà tôi chỉ cho mà làm, hai ngày sau đi vào anh dắt đến chỉ cho, anh bảo miếng đất này của thằng Hoa nó xí nhưng không ở bỏ đi nơi khác rồi, anh cứ ra đây làm mà ở với anh em cho vui, tôi cũng thích rồi, nhưng sang hỏi ông Út Một cho chắc ăn. Vì ông là người ở đây trước ngày chưa giải phóng, để tránh sự rắc rối về sau. Sang nhà ông Út Một ông cũng bảo đất hoang vu vô chủ cứ ra làm mà ở, thằng nào nói gì có tôi, mới vững bụng, vác cuốc ra đắp một cái nền xí để đó. Có đất rồi phải lo vật liệu, xách mã tấu vào rừng cầu Ba chặt cây.

Năm ấy rừng thiên nhiên còn bao la tha hồ mà chặt, vào rừng cứ thấy cây thẳng vừa ý là đốn hạ rồi vác đốn lại một đống róc sạch vỏ, về ấp mướn xe bò vào chở. Hồi đầu nhờ Bác Tỷ bác nói rừng cấm khai thác, để tôi hỏi ông Hai Hà cho phép mới dám chở, tôi nghĩ mình đã đi chặt trộm mà ông bảo hỏi Hai Hà Chủ tịch xã lúc bấy giờ. Tôi sợ năn nỉ với ông, Bác không giúp em được thì em đi nhờ người khác Bác đừng báo Xã họ bắt tội nghiệp em. Em chỉ lén chặt một ít đủ che túp lều để gia đình che mưa nắng, em hứa không làm việc phi pháp, ông lặng yên, tôi tạ từ ông về, đi mướn xe bò ông Bảy Ép, ông nhận lời ngay, đánh xe vào bốc chở về, khỏi trình báo ai cả, ông chở về đường đi tự nhiên chẳng thấy ai hỏi han gì, đến nơi đổ xuống tôi trả tiền công song phẳng và cảm ơn Bác Bảy, ông đánh xe về.

Đã có cây đầy đủ, tôi vào dốc đồng ruộng chặt tre chẻ hom vác về, vợ đi vào Phú-Sơn cắt tranh phơi khô mang về xếp đống, ngày nào không có việc làm ở nhà soạn tranh ra đánh thành tấm lợp bằng hom sáu, chuẩn bị đầy đủ vật liệu, một mình tự cưa ngàm đục lỗ sào vại để sẵn, đi

nhờ hai ông bạn Bác Vấn và Hai Cừ đến phụ giúp, ba anh em vừa dựng vừa lợp mái làm một ngày là xong, ngày sau một mình đóng bổ vách tập tranh vào cho kín đáo. Nay đã có cái lều tranh kê được hai chiếc giường, chái thêm một khúc phía sau để nấu cơm. Tam thời đã có nơi trú ngụ che mưa nắng, tôi từ giả ông bà Hạp dọn về cái lều mới làm để ở. Tôi thưa với ông bà rằng : Dạ em kính thưa hai bác, thời buổi chiến tranh ly loạn, em buộc phải đi lính tráng vào đến đây, nay bị lỡ đường giữa chốn xa xuôi không có người thân thuộc, chẳng biết nương tựa vào đâu, may mắn gặp gia đình bác mở rộng lòng thương, cho gia đình em được tá túc trong căn lều của hai bác đợi cho vợ sinh nở cứng cáp tìm đường về quê, ở đây vợ em đã sinh nở mạnh khỏe mẹ tròn con vuông, thời gian thấm thoát đã bốn tháng trôi qua, vợ chồng em quyết định không về quê nữa, em đã xin Áp cư trú tại đây làm ăn nuôi con. Bấy lâu vợ chồng em đã lo liệu che được một túp lều tranh phía ngoài sân bóng đá kế nhà ông Út Một, xin hai bác cho em dọn về ngoài ấy để trú ngụ, vợ chồng em trả lại căn lều cho hai bác. Dạ thưa hai bác một đêm nằm hơn năm ở, dù gì em cũng ở nhờ nhà hai bác hơn bốn tháng nay ơn nghĩa này quá lớn biết bao giờ em đền đáp được. Em cầu xin ơn trên ban phước lành cho toàn thể gia đình bác. Bác Hạp gái cũng nói lại : Không có gì đâu, biết giúp nhau lúc hoạn nạn mới là phải, rồi bác cũng chúc lại vợ chồng con cái vào trong ấy ở được mạnh khỏe, làm ăn mau khấm khá. Tôi cảm ơn bác rồi dọn nhà vào đây ở kể từ tháng 8 năm 1975 cho đến ngày hôm nay.

BÀI 9 : AN CƯ LẬP NGHIỆP

Được chính quyền địa phương chấp nhận cho cư ngụ, kiếm được miếng đất dựng lên cái lều tạm che mưa nắng cho gia đình trú ẩn. Lúc này rất bí đất kinh tế gia đình đã cạn kiệt có ngày không gạo nấu, con cái phải ăn củ mì bo bo mà sống. Tôi ngày nào cũng đi làm mướn xạc cỏ lúa rẫy cho ông Chuẩn hai tháng, xong việc cỏ đi cuốc ruộng cho ông Chánh Tôn, cuốc rẫy nhặt cỏ tranh cho bà Quang con gái bác Khương, đắp bờ phát cỏ ruộng cho cụ cố Phác, ai bảo làm gì cũng làm, miễn trả công mỗi ngày tương đương một ký gạo là được, để nuôi bầy con sống qua ngày. Ăn thì đều mà đi làm chẳng đều, có đôi lúc hết việc không ai mướn thất nghiệp ở nhà cũng phải ăn.

Khoảng trong tháng 9/1975, lúc này kẹt quá, gạo hết tiền chẳng làm gì có, con đói phải mang số nữ trang của bà xã, tiết kiệm sắm một chút để phòng cơ, còn 8 chỉ vàng 24 cara, một sợi dây chuyền có quả tim 5 chỉ, 3 cái nhẫn mỗi cái một chỉ. Vợ giữ kỹ trong người khi chạy loạn nên vẫn còn. Vợ chồng bàn với nhau mang đi bán, hỏi hết các nhà có tiền chẳng ai thèm mua tôi mang một cái khâu một chỉ ra bà Giáo Luyện nhờ bà mua giúp cho, trả bao nhiêu cũng được miễn có tiền về đóng gạo cho con ăn là cảm ơn. Đây là nơi thân chủ quen biết đã từng mua bán với bà trước ngày chưa giải phóng, tôi nghĩ bà chỉ sợ mình khốn đốn quá, có khi đem vàng dầm để lường gạt, nên bà không dám mua.

Bí quá không biết làm sao, bà xã rủ tai thổ lộ sự thật nhờ bác Hạp bán giúp cho, nhà em đã mang đi hỏi bán mà chẳng ai mua. Bác nhận lời giúp đỡ mang tận Saigon mới bán hết được, đem tiền về đưa cho vợ chồng tôi, mừng quá cảm ơn bác, có tiền đi đóng gạo gia đình ăn, gạo lúc này đắt lắm, bán 8 chỉ vàng mà tính ra cả trước sau đóng cả tạ gạo là sạch tiền. Có gạo ăn cứu nguy con đói. Tôi tự suy nghĩ để kinh nghiệm. Vàng bạc ngọc ngà châu báu chẳng quý bằng hạt gạo của trời. Khi bụng đói cồn cào không thể ăn vàng ăn bạc vào bụng mà sống được. Sau đó một thời gian có tình trạng vượt biên sang Mỹ, vàng lên giá vùn vụt nhiều người đi tìm mua, lúc này còn mà bán một chỉ có thể mua được hơn tạ gạo, 8 chỉ tính ra gạo cỡ 10 tạ, tôi đã bán sạch sẽ từ lâu, tôi cũng chẳng có tiếc nuối làm gì. Tôi tự nghĩ một miếng khi đói bằng gói khi no, may mắn có người giúp bán được để cứu đói là tốt rồi. Thế là của Tây trả lại cho Tàu, sạch trơn sạch trụi của cải vàng bạc tích lũy cả 14 năm làm lính nguy, hôm nay đã tiêu tán sạch sẽ theo cát bụi của thời gian.

Hết năm 1975 qua năm 1976 ăn Tết Ất Mão âm lịch xong, tháng giêng nhìn thấy bà con trong ấp rủ nhau đi phá rừng làm rẫy, cũng vác mã tấu đi theo vào cầu ba phát đường ranh khoanh vùng một mẫu rừng xí để đó, về đi làm mướn kiếm gạo nuôi con, ngày nào không có việc đi làm mướn, thì bới cơm nước xách mã tấu vào phá rừng, cứ vừa đi làm mướn vừa phá rừng, một mình cũng phá xong 5 sào, còn 5 sào để qua năm sau phá tiếp.

Tháng 12 năm 1975 cụ cố Phác cho mướn 2 sào ruộng cấy lúa thần nông giống 732, cày cấy

xong bỏ đó đi phát dọn rẫy, lâu lâu ghé thăm đắp nước vào, chẳng vài phân, không xit thuốc, chỉ có làm vài ngày cỏ mà thôi, thời tiết tốt không sâu bọ phá, qua tháng 3 năm 1976 thu hoạch được 20 bao lúa tính ra cả tấn, mừng quá còn hơn trúng số độc đắc, chở về phơi khô khén vảy gót đổ vào dự trữ để ăn đi phá rẫy dọn rẫy, khỏi lo chạy gạo hàng ngày, nên bây giờ tôi vẫn nhớ ơn ông cố cho đến muôn đời. Từ đây tôi chỉ đi làm việc nhà hết đi làm mướn.

Chỉ có bà xã đến mùa bà con trong ấp cấy lúa nước, đi cấy mướn, lúc mới giải phóng ít có người biết cấy, đi cấy là nghề nghiệp của bà xã, đến vụ cấy bà con mướn đi làm liên tục.

Mùa cấy năm 1980 mang bầu thằng con trai út, tên nó là thằng Đức bây giờ, đến ngày gần sinh tôi bảo ở nhà, đi cấy nữa coi chừng đẻ giữa ruộng, tôi đi làm ở lại trong rẫy, bà xã ở nhà ông Thiệp vào kêu đi cấy, nể nang cũng ra đi vào làm được nửa buổi, chuyển bụng đẻ ngay giữa bờ ruộng như vệt.

Gặp chú Hùng Rô có xe bò làm kế bên, bỏ mẹ con lên chở về trạm xá cô Huê, đồn ra trên làng dưới xóm ai ai cũng biết, tin vào rẫy tôi chạy về gấp, vào trạm xá bà xã vẫn tỉnh táo sức khỏe mẹ tròn con vuông, tôi hú hồn hú vía hết hồi hộp. Nghĩ lại có lẽ Trời Phật ở trên cao nhìn thấu, phù hộ cho mới được như vậy. Ngày sau đem về nhà giao cho con gái lớn chăm mẹ, cha con vào rẫy làm tiếp, cứ theo bà con học hỏi mà làm cho đúng mùa vụ, thấy bà con trồng tría giống gì cứ theo mà làm, có làm là có thu hoạch mới có lương thực mà ăn, hết thứ này thu hoạch thứ khác.

Nhưng cũng vất vả vô cùng, làm việc bằng hai cánh tay chẳng có năng xuất, phải làm hết sức lực may ra đủ ăn. Đi làm phải lội bộ 10 cây số đường rừng mới đến nơi, qua sông Lanh còn đi vào tới đồi đất phá rẫy, cha con che trại ở làm tại chỗ, có khi hai tuần lễ hoặc cả tháng mới về thăm nhà một lần.

Mang lương thực về nhà nuôi con phải đi ban đêm tránh trạm kiểm soát, nếu xui bị bắt là không xin lại được. Sầu xuất cầm chừng vừa đủ ăn, không thể mang đi thành phố bán đổi để bà con tiêu thụ được, kinh tế gia đình xã hội thời bao cấp khó phát triển, đời sống của nông dân còn vất vả hơn.

Nam 1977 qua phá rẫy bên kia sông Thao thuộc ranh giới huyện Vĩnh cửu, rừng nguyên sinh còn nhiều, cây to nhỏ còn rậm rạp, cây chò chai, cây dầu cả hai người ôm vẫn còn nhiều, ông Hải rón mướn thợ cưa vào xẻ về làm nhà ở, xẻ được ít nhiều có chở về bớt một vài xe bò, số còn lại có lẽ kẻ nào xấu bụng báo cáo du kích Vĩnh cửu sang tịch thu bắt dân vác về Đồng lu một số, gỗ còn lại chất đống nổi lửa đốt cháy sạch sẽ, xui cho hai anh đẩy xe thồ đi chặt cây rừng, bị đốt cháy xe còn phải bị bắt vác một chuyến cây về đến Đồng Lu mới thả cho về.

Lúc này tôi cũng vào đây để lượm chặt một nếp nhà, cứ kiếm cây khế, cây dấp cứ cây nào thẳng thử rựa thấy cứng vừa ý là hạ, dứt đúng thước tắc róc mặt đeo vỏ, tính đủ làm, vác hết qua sông.

Buổi chiều du kích sang bắt cây ông Hải, hai anh em tôi đang chuyển cây qua sông. Tôi biết trước nên trốn thoát khỏi bị bắt vác cây. Người em chuyển đùm cây với tôi là vợ của cậu Quý, ở ngoài quê vào Saigon thăm chồng là sinh viên Đại học bách khoa lúc mới giải phóng, mợ về thăm ở lại nhà tôi, nhờ mợ đi vác giúp.

Hai anh em chuyển cả ngày mới qua hết bên kia sông, đi mướn xe bò chở hết về nhà chất lại, vào rừng chặt tre chẻ rui, mè, hom tranh, lát buộc vác về mấy chuyến đầy đủ. Vợ chồng vào dốc đồng ruộng cắt tranh, năm ấy tranh mọc quá nhiều, tha hồ mà cắt, chải chuốt đàng hoàng sạch sẽ, phơi khô bó chặt lại từng bó, dồn lại một đồng kêu xe bò ông Trầm Ninh Tây lác vào chở, chất hết lên một chuyến quá nhiều, không nặng nhưng nó cồng kèn, tranh khô trơn, đường ổ gà xe bò kéo đi bị lắc lư tuột đổ mấy lần, phần trời tối đói bụng khát nước, hai anh em sắp xếp lại mệt muốn đứt hơi, nhờ ông Ninh hồi ấy rất khỏe, chịu khó làm nhiệt tình, xếp lại xong rạng rít kỷ lưỡng cũng đưa được xe tranh về đến nơi.

Tôi mừng quá cảm ơn, uống nước xong bỏ tranh xuống trả tiền xe cho ông về cũng hơi muộn. Làm sàng chất hết lên đây lại che mưa nắng kỷ lưỡng.

Đầu tháng 10/1980 về quê thăm cha mẹ anh em. Về xe lửa bước xuống ga Thừa-Lưu xách gói rảo bộ về làng, đi đến một quảng đường cỏ cây số, gặp một toán trẻ em đi lên xã học tiểu học. Tôi hỏi các em ở thôn nào đi học xa rứa ? Các em trả lời ở thôn Phú-Gia, các em có biết ông Đính không ? các em trả lời có biết, ông đã chết chôn hôm qua rồi. Một cú xốc bất ngờ đầu óc choáng váng bước hết muốn nổi vừa đi vừa khóc, bụng bảo dạ phải chỉ mình về sớm được vài

ngày cha con nhìn mặt nhau lần cuối, đi đến nhà nhìn thấy bàn thờ bát nhang bài vị, đứng khóc than một lát cho vui bớt nỗi lòng, tôi tự trách mình là người con trưởng bất hiếu, sống xa quê hương cũng vì tương lai của con cái, khi cha qua đời chẳng lấp được một lát đất, thật là vô dụng, cầm nén hương ra mộ thấy đồng đất mới, thấp ba cây nhang xá năm mộ ba xá khóc một lát rồi ra về nhà với mẹ. Bà con đến thăm họ cũng góp lời an ủi.

Ở lại với mẹ đến ngày 9/9 âm lịch là ngày chạp mã lúc ấy, bây giờ dờ lui ngày 8/8 âm lịch, chạp mã cúng bái xong. Rủ mẹ vào Nam sống với con cháu, bà chịu đi theo vào đến nơi nhìn thấy hoàn cảnh nhà cửa của con cháu ở như cái ổ chuột chẳng giống ai, bà rưng rưng nước mắt, mẹ ở được hơn tuần lễ thì vợ chồng đi thu hoạch lúa rẫy, nhờ rẫy mới nên lúa tốt cũng trúng mùa, thu hoạch 5 sào được 25 bao 50, chở về chuyển xe bò đầy, mẹ thấy cũng mừng, vợ chồng phải đi làm liên tục, bà ở nhà với cháu bỏ tranh ra đánh hom sáu cả hai tuần lễ mới hết đồng tranh, tôi sắp lại đếm được 400 tấm, mỗi tấm dài 1m20, tấm lợp đã đủ. Công việc hơi vất, tháng 10 trời hết mưa, nhờ ông Khiêm một tay với tôi dỡ đồng cây ra làm thợ mộc cửa ngàm đục lỗ ráp 4 vại kèo làm nhà ba gian dài 6m ngang 4m làm mộc xong, buổi sáng sớm nhờ ít anh em trong xóm đến phụ dựng lên bỏ đòn dông chống chỏi vững vàng, anh em về nhà ăn cơm đi lao động.

Một mình tôi cầm cúi đóng hết đòn tay, làm hai mái rui tre đóng đinh buộc dây cửa tề bằng phẳng ngắm mấy hàng cột sửa lại cho thẳng nện cứng. Đóng bổ vách cột sườn vào để vát vách đất.

Dỡ đồng tranh ra tề đầu bằng phẳng chải sạch sẽ sắp có hàng lối tưới nước lên, cho tấm tranh nở cứng khi lợp đưa lên mái nhà khỏi tuột ra.

Tôi chuẩn bị sườn nhà sườn vách tiêm tắt, đi cây nhờ anh em bạn bè cũ và anh em trong khu vực có ông Hải, ông Yến, ông Một ông Khiêm tập trung lại giúp cho, người lợp mái kẻ vát vách ai biết việc gì làm việc ấy, làm một ngày là xong, buổi trưa nghỉ dùng cơm làm lại buổi chiều là hoàn tất, rửa tay chân bồi dưỡng một chén nhậu xã giao, vui vẻ, anh em không tính công cán gì, chỉ giúp đỡ nhau mà thôi, tôi cũng có lời cảm ơn tất cả. Hôm nay có cái nhà tranh vách đất chắc chắn cao ráo rộng rãi hơn, cái ở cũng tạm ổn, chỉ còn lo cái ăn.

Bắt tay vào làm kinh tế vô sông Lạnh xẻ núi lấp suối làm ruộng lúa nước ngăn ngày, ngăn đập sông Lạnh làm thủy lợi, đứng ra hô hào bà con cùng làm. Sửa sang lều trại chắc chắn, cha con ở làm có khi hai ba tuần khi một tháng mới về thăm mẹ, thăm nhà một lần, vợ sớm đi bộ vào làm một buổi chiều đường xa lo về sớm với con, tôi có về thì nghỉ tại nhà qua đêm sáng mai cũng đi ngay. Bà ở nhà với cháu bé, con dâu đi làm liên tục, ít khi được ở nhà mẹ con chuyện trò, thấy vắng vẻ phần nữa xa lạ bà buồn quá nhớ quê, nhớ hai đứa con còn ở ngoài xứ bà đòi về, tôi giữ lại không cho, cầm chân bà được sáu tháng, có dựng Sinh con rể của bà vào thăm, bà quyết một đòi về với dựng Sinh, tôi cũng phải chịu để mẹ về quê sống với hai em được bảy năm, rồi bà cũng đi theo ông.

Kể từ năm 1987 tôi mất hết cả cha lẫn mẹ, cha thọ 70 tuổi, mẹ thọ 72 tuổi.

Kể từ khi miền Nam được giải phóng, hơn 10 năm sau nhà nước có chính sách đổi mới, bỏ việc ngăn sông cấm chợ cho đi lại buôn bán tự do, ra lệnh dẹp bỏ các trạm kiểm soát không cần thiết, nông dân tự do sản xuất làm ra của cải muốn bán cho ai cũng được, không thu mua ép giá, cho chở lương thực đi lại tự do, nông dân mới vui vẻ ham làm, tôi chăm lo sản xuất dồi dào lương thực, gia đình sử dụng không hết, đem bán lấy tiền tích lũy dần dần, mới có vốn mua trâu cày bừa ruộng, mua góp vật liệu để chuẩn bị xây nhà.

Lúc này vật liệu xây dựng vẫn còn khan hiếm, hai thứ xi măng và sắt, có tiền mà tìm mua cũng khó. Gạch có là của hợp tác xã Tây lạc do ông Minh quản lý bán cho, gỗ xuống trại cửa nhà ông Hạnh mua của ông Chiến Khàn, ngói mua Tân Vạn nhờ xe kéo ông Hoang râu chỏ, sắt mua gom sắt phế liệu Long-Bình, xi măng mua lại xi măng bôn của mấy mụ buôn mánh, về đổ vào thùng phuy bịt kín miệng để dờn chừng nào đủ vật liệu thì mướn thợ làm. Tôi mua sắm các thứ vật liệu trước sau một thời gian 4 năm mới đầy đủ. Năm 1989 mướn thợ mộc thợ xây khởi công làm. Nhờ hai ông Quang thợ cả, một mộc một xây, thợ phụ có ông Thành, ông Hưng, ông Thạch lãnh khoán làm cho.

Theo truyền thống của xứ Huế sống cái nhà thác cái mồ, ăn ở nhà cửa xập xệ bạn bè khinh bỉ, làng xóm cười chê. Nên tôi quyết chí phải xây cái nhà tương đối để ở. Lúc này con trai trưởng và con gái thứ nó cũng đã lớn đi lao động tốt, siêng năng ngoan ngoãn, biết tiết kiệm, đồng

viên phải giúp mỗi người một tay, mới làm nổi cái nhà này. Để cả gia đình trú ngụ cho đến hôm nay. Tính từ ngày làm thời gian đã 15 năm trôi qua, vẫn chưa được hoàn chỉnh theo ý muốn, còn nhiều việc phải tu bổ, nhưng vì già yếu, thiếu kinh tế đành chịu thua.

BÀI 10. TUỔI TÁC, CON CHÁU, SẢN NGHIỆP HIỆN HỮU

Tính đến ngày 16/10/2003 tôi tròn 65 tuổi, vợ 64 tuổi, con tổng số 8 người, 4 nam, 4 nữ, đã lập gia đình 2 trai, 2 gái, còn chung sống với cha mẹ 2 trai, 2 gái chưa có gia đình.

Con gái đầu lòng 41 tuổi, con gái út 21 tuổi, cháu nội ngoại tổng cộng 11 đứa.

Đất ruộng nằm bên sông Lạnh ấp 6 xã Tân An, huyện Vĩnh-Cửu và tại đồng Tân Bắc thuộc xã Bình-Minh do tay tôi khai khẩn, vẫn còn giữ nguyên để cho con cháu làm ăn sinh sống, những đứa nối nghiệp cha, còn các đứa khác, nếu có thất cơ lỡ vận cũng có đất để làm mà sống.

Gia đình thường trú số 213 thôn Nam-Hòa, Ấp Bùi-Chu, xã Bắc-Sơn, huyện Thống-Nhất, tỉnh Đồng-Nai.

Nhà cửa cũng có để che mưa nắng tạm ổn tuổi già, trông lên thấy chẳng bằng ai, vẫn còn khó khăn thua kém bạn bè trang lứa, nhưng nhìn xuống cũng có người khó khăn hơn mình. Tôi tự an ủi cho cuộc sống của mình khi đã đến tuổi già yếu, gần đất xa trời để bớt lo nghĩ bon chen, tinh thần được thoải mái hơn.

Tôi xin cảm ơn, xin đa tạ Trời Phật, Tổ Tiên Ông Bà phù hộ mạnh khỏe cả gia đình chúng tôi.

Cảm ơn Bác, cảm ơn Đảng đem lại độc lập tự do cho đất nước.

Riêng gia đình tôi cũng được cơm no áo ấm, con cháu học hành tương đối, có nghề nghiệp làm ăn để sống. Nói chung toàn thể nhân dân được nhiều nhà hạnh phúc, xã hội văn minh.

Tôi mong rằng : các thế hệ hậu sinh phải ăn ở cho có đạo đức, noi gương các bậc tiền bối học hỏi không ngừng, để nâng cao trình độ kiến thức. Biết cần kiệm liêm chính mới tiến thân làm nên sự nghiệp cho bản thân, gia đình và xã hội.

Biết trung, hiếu, lễ, nghĩa, trí, tín, không nên đua đòi bắt chước kẻ xấu tham lam, gây tội ác, ăn chơi truy lạc, làm mất đạo đức văn hóa con người, đối với bản thân và gia đình của xã hội đất nước Việt-Nam.

Trải qua đoạn đường đời mà tôi đã đi, trong một thời kỳ chiến tranh ly loạn, gặp biết bao nhiêu sự nhục nhã gian nan, nguy hiểm đủ điều thử thách quật ngã cuộc đời. Nếu không có tinh thần nhẫn nại, dũng cảm, hy sinh bền chí gượng dậy làm lại cuộc đời cho bản thân, gia đình để đóng góp với xã hội và đất nước. Làm sao mà có ngày hôm nay đang được sống vui, sống khỏe, hạnh phúc với vợ con.

Tôi nghĩ trên đời có ai biết được chữ ngờ, đời tôi đã sắp qua, đời con cháu tiếp nối, nên nhớ rằng : Lúc thắng chớ kiêu khi bại chớ nản, thua keo này bày keo khác, sông có khúc, người có lúc, cuộc đời được thua vinh nhục là thường tình. Sau cơn mưa trời lại sáng, do đầu óc của mình biết tùy cơ mà ứng xử. Là người quân tử, không nên tham lam, gian trá, xu thời, nịnh bợ, bè phái ăn hiếp kẻ yếu, cao ngạo, hoặc cố chấp, phải hiểu biết thông cảm mở rộng lòng thương nhân loại, đừng nên tự ty mặc cảm là có hại cho tinh thần, gây thất bại mọi mặt.

Dù có cực khổ đến ngần nào cứ vui vẻ thoải mái, cố gắng siêng năng lao động, ăn ở đối nhân xử thế cho phải đạo... là sống bất cứ nơi nào cũng tốt.

Trời nào phụ kẻ có nhân

Người mà có đức muôn phần vinh hoa. (ca dao)

Tác giả : PHAN VINH

Viết bản thảo hoàn tất, Bùi-Chu, ngày 23/9/2003

Nhằm ngày : 27 tháng 8 năm Quý Mùi

Phụ trang

Việc làm và tinh thần văn hóa có ý nghĩa của đời tôi :

1. Năm 1996, về quê nhật tu gia phả sao lại thỉnh vào để thờ phụng tại tự đường gia đình Đồng-Nai.
2. Năm 2000, về quê chứng kiến động viên tinh thần các cháu xây lăng mộ Tổ Tiên.
3. Năm 2001, về quê xây lăng mộ ăm cúng cho Ông Bà Ngoại và cha mẹ ruột.
4. Năm 2003, biên soạn gia phả chữ Việt.
5. Năm 2003, viết xong quyển Hồi Ký PHAN-VĂN-VỊNH.

- Hết -

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>